

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH	1
1. Lý do và sự cần thiết	1
2. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch và yêu cầu phát triển đô thị.....	2
3. Các căn cứ để lập quy hoạch chung.....	3
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.....	5
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG; SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI; CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA ĐÔ THỊ.....	8
IV. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	18
1. Xác định mục tiêu, động lực phát triển	18
2. Tính chất đô thị.....	20
3. Dự báo quy mô dân số, lao động.....	20
4. Dự báo Quy mô đất xây dựng đô thị.....	20
5. Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	21
V. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO TỪNG GIAI ĐOẠN	23
1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.....	23
2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.....	25
VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ DÀI HẠN ĐẾN NĂM 2030.....	26
1. Hướng phát triển đô thị	26
2. Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng đô thị:.....	27
3. Bố cục các trục không gian chính, không gian các khu vực trọng tâm, các tuyến, các điểm nhấn và các điểm nhìn	29
VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	30
1. Chuẩn bị kỹ thuật xây dựng.....	30
2. Giao thông	34
3. Cấp nước sạch	37
4. Cấp điện	38
5. Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn.....	41
6. Thông tin liên lạc.....	43
7. Xử lý chất thải rắn, nghĩa trang.....	44
VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ NGẮN HẠN ĐẾN NĂM 2020	45
IX. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ	47
X. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	49
XI. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	58
XII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	59

THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,
TỈNH SÓC TRĂNG ĐẾN NĂM 2030

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

1. Lý do và sự cần thiết

Huyện Châu Thành được tách lập từ huyện Mỹ Tú, theo Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, ngày 24/9/2008 của Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 06/01/2009. Châu Thành có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng, là đầu mối giao thông quan trọng, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp cùng với tài nguyên thiên nhiên đa dạng phong phú, Châu Thành có lợi thế để phát triển đa dạng các ngành sản xuất và dịch vụ.

Thị trấn Châu Thành nằm ở phía Bắc của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 13 km và cách thành phố Cần Thơ khoảng 50 km về phía Bắc. Là đô thị cửa Ngõ của tỉnh Sóc Trăng và có đường Quốc lộ 1 đi qua khoảng 16,5 km là tuyến giao thông huyết mạch đi trong và ngoài huyện, nối địa bàn huyện với các tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu, kết nối với các tuyến đường tỉnh 939B, 932. Với vị trí địa lý trên đã tạo cho huyện Châu Thành một cầu nối kinh tế với các tỉnh phía Bắc Sóc Trăng và thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua kể từ khi tách lập, huyện Châu Thành đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần nhân dân. Tuy nhiên, huyện cũng gặp không ít khó khăn, thách thức như chất lượng phát triển kinh tế - xã hội còn thấp; cơ sở vật chất còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác ở trình độ cao, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

Mặt khác, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đặt ra phải cao gấp 1,1-1,2 lần mức bình quân chung của đồng bằng sông Cửu Long đòi hỏi Châu Thành cần phải tăng tốc phát triển kinh tế trong thời gian tới. Bên cạnh đó, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện diễn ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược để tận dụng thế mạnh của nguồn lực nhằm phát huy lợi thế của huyện.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020 đã được phê duyệt và xác định nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của huyện; đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện khách quan, với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh, của vùng ĐBSCL; Đưa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với an sinh xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

Với vị trí thuận lợi và tiềm năng phát triển lớn mạnh, huyện Châu Thành với trung tâm huyện lỵ là thị trấn Châu Thành được dự báo sẽ trở thành một đô thị phát triển trong tương lai. Trong Quyết định phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 của UBND tỉnh Sóc Trăng đã xác định xây dựng thị trấn Châu Thành theo tiêu chí đô thị loại IV, từng bước nâng cấp phát triển đô thị, góp phần vào mục tiêu thắng lợi kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng.

Trên cơ sở đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt theo Quyết định số 379/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2011, UBND huyện Châu Thành đã tiến hành rà soát, đánh giá quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Châu Thành. Xét thấy trong quá trình triển khai Quy hoạch chung thị trấn Châu Thành đã xuất hiện các yếu tố tác động làm thay đổi định hướng, dự báo của đồ án quy hoạch chung thị trấn như: Định hướng mở rộng quỹ đất xây dựng phát triển đô thị, xây dựng mới các công trình như Huyện đội, công trình y tế, trường dạy nghề, trường chính trị, xác định vị trí mới cho khu trung tâm hành chính thị trấn, xác định khu thương mại dịch vụ... Đặc biệt là các yếu tố định hướng về phát triển hạ tầng kỹ thuật, định hướng kết nối với các vùng lân cận tạo động lực cho sự phát triển của đô thị.

Từ những vấn đề nêu trên đề cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng nói chung và huyện Châu Thành nói riêng, đồng thời giúp cho chính quyền huyện Châu Thành làm cơ sở quản lý, đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị, hướng tới phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị một cách bền vững phù hợp các chiến lược phát triển đô thị và thu hút đầu tư, việc lập Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch và yêu cầu phát triển đô thị

2.1. Mục tiêu chính của đồ án

- Xây dựng thị trấn Châu Thành thành trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục – đào tạo, thương mại dịch vụ, thể dục – thể thao của huyện Châu Thành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trở thành huyện công nghiệp và phân đấu sau năm 2020 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Quy hoạch xây dựng thị trấn Châu Thành với hệ thống hạ tầng hiện đại, đồng bộ, tạo môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng dân cư trong đô thị.

2.2. Nội dung chính của đồ án

- Quy hoạch phát triển thị trấn Châu Thành đảm bảo theo hướng phát triển đô thị bền vững, phù hợp với quan điểm phát triển và hội nhập với các đô thị trong tỉnh Sóc Trăng đặc biệt là thành phố Sóc Trăng nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Quy hoạch phải triệt để khai thác các yếu tố tiềm năng về công nghiệp, dịch vụ, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, phù hợp với các quy hoạch khác của tỉnh. Quy hoạch các phân khu chức năng đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

- Phân kỳ để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng mới đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị.

- Kế thừa các nghiên cứu quy hoạch đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt tại khu vực thị trấn Châu Thành hiện nay.

- Phát huy lợi thế vị trí địa lý nằm ở cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Sóc Trăng với thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh. Khai thác quỹ đất dọc trên các tuyến giao thông Quốc gia.

- Quy hoạch các khu chức năng đô thị đảm bảo phát huy tiềm năng sẵn có và tạo động lực phát triển đô thị.

- Là đô thị xanh, đẹp, tiện nghi, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường sống, làm việc, học tập, nghỉ ngơi, thuận lợi cho con người.

- Xây dựng đô thị mới hiện đại có tính đặc thù, đồng bộ về hạ tầng đô thị, đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

2.3. Yêu cầu phát triển đô thị của đề án

Đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch đồng bộ với các khu vực lân cận và phù hợp với định hướng chung của tỉnh Sóc Trăng;

Tổ chức cảnh quan mang tính đặc thù của đô thị; Tạo một hình ảnh đô thị xanh, đẹp, tiện nghi, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường sống, làm việc, học tập, nghỉ ngơi, thuận lợi cho con người. Đảm bảo tính bền vững trong cấu trúc đô thị.

Quy hoạch phát triển đô thị phù hợp với quan điểm phát triển và hội nhập với các đô thị trong tỉnh nhằm thu hút đầu tư.

Khai thác triệt để quỹ đất cũng như các yếu tố tiềm năng về công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, du lịch, phù hợp với các quy hoạch khác của tỉnh.

Quy hoạch phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về hạ tầng, đảm bảo khả năng về phát triển của đô thị trong tương lai.

3. Các căn cứ để lập quy hoạch chung

3.1. Các căn cứ pháp lý

Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về Phân loại đô thị của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII;

Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, ngày 24/9/2008 của Chính phủ về việc tách lập huyện Châu Thành từ huyện Mỹ Tú;

Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, kèm theo quyết định này “QCXD: 01/2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng”;

Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đề án quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị;

Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Quyết định số 130/QĐHC-CTUBND ngày 30/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thuận Hòa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

Quyết định số 379/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và định hướng cho thời kỳ 2020-2030;

Quyết định số 320/QĐ-CTUBND ngày 28/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu hành chính đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500;

Công văn số 1179/CTUBND-HC ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấp thuận cho điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Trích biên bản họp dân ngày 15/5/2014 về việc lấy ý kiến điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành;

Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Biên bản cuộc họp ngày 29/11/2016 tại UBND huyện Châu Thành về việc thông qua đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành đến năm 2030;

Biên bản thẩm định số 10/BBTĐQH-SXD ngày 17/7/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng đối với đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Biên bản thẩm định số 02/BBTĐQH-SXD ngày 05/01/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng đối với đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

3.2. Các cơ sở tài liệu, số liệu

Các số liệu trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020;

Các số liệu trong thuyết minh tổng hợp Quy hoạch hệ thống thông vận tải huyện Châu Thành đến năm 2020 và định hướng cho thời kỳ 2020 - 2030;

Các bản đồ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020;

Các bản đồ Quy hoạch hệ thống thông vận tải huyện Châu Thành đến năm 2020 và định hướng cho thời kỳ 2020 - 2030;

Các bản đồ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thuận Hòa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Nay là thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng);

Các bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu hành chính đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500;

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí, phạm vi nghiên cứu quy hoạch

Huyện Châu Thành nằm ở phía Bắc của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 13 km và cách thành phố Cần Thơ khoảng 50 km về phía Bắc. Châu Thành là cửa Ngõ của tỉnh Sóc Trăng và có đường Quốc lộ 1 đi qua khoảng 16,5 km là tuyến giao thông huyết mạch đi trong và ngoài huyện, nối địa bàn huyện với các tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu, kết nối với các tuyến đường tỉnh 939B, 932. Với vị trí địa lý trên đã tạo cho huyện Châu Thành một cầu nối kinh tế với các tỉnh phía Bắc Sóc Trăng và thành phố Hồ Chí Minh.

Huyện Châu Thành gồm toàn bộ diện tích của các xã Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ và thị trấn Châu Thành với diện tích 23.628,55 ha và dân số 102.149 người (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2015).

Huyện Châu Thành có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng là đầu mối giao thông quan trọng, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp cùng với tài nguyên thiên nhiên đa dạng phong phú, Châu Thành có lợi thế để phát triển đa dạng các ngành sản xuất và dịch vụ. Với lợi thế về giao thông thủy, bộ và khu công nghiệp An Nghiệp của tỉnh với quy mô 220 ha nằm trên địa bàn xã An Hiệp và xã Phú Tân tạo điều kiện thuận lợi để phát triển toàn diện các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các ngành dịch vụ. Đặc biệt coi trọng thu hút các dự án đầu tư vào phát triển một số vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế trang trại, các ngành công nghiệp phụ trợ cho khu công nghiệp An Nghiệp và cung cấp sản phẩm nông sản thực phẩm sạch cho thành phố Sóc Trăng.

Thị trấn Châu Thành còn là cửa ngõ phía Bắc, đồng thời là hành lang Đông - Tây nối Quốc lộ Nam Sông Hậu và Quản lộ Phụng Hiệp của tỉnh Sóc Trăng.

Theo Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, thị trấn Châu Thành được thành lập gồm các phần đất của 2 xã Thuận Hoà và Hồ Đắc Kiện của huyện Mỹ Tú. Thị trấn có diện tích 788,41 ha (theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) và dân số 11.410 người (Theo Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của UBND thị trấn Châu Thành về tình hình dân số trên địa bàn thị trấn), được chia làm 4 ấp: Trà Quýt, Trà Quýt A, Xây Đá và Xây Cáp.

Khu vực nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch là trên phạm vi toàn thị trấn Châu Thành, ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp xã Phú Tâm;
- + Phía Đông Nam giáp xã Phú Tân;
- + Phía Tây Bắc giáp xã Hồ Đắc Kiện;
- + Phía Tây Nam giáp xã Thuận Hòa.

Phạm vi ranh giới khu vực trung tâm thị trấn Châu Thành có diện tích 362 ha.

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Đặc điểm Khí hậu

Đặc điểm chính về khí hậu thời tiết của huyện Châu Thành như sau:

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm 26,80°C; nhiệt độ bình quân cao nhất 31,10°C; nhiệt độ bình quân thấp nhất 23,80°C.

Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm 1840mm, phân bố theo mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài 7 tháng (tháng 5 đến tháng 11).

Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 83,4%, mùa mưa độ ẩm cao có thể đạt tới 88%, các tháng có độ ẩm thấp trung bình 77,3%.

Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2372 giờ, các tháng có số giờ nắng cao từ tháng 3 đến tháng 9 trung bình đạt 260 giờ/tháng (cao nhất vào tháng 5), các tháng có số giờ nắng thấp từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau trung bình 120-130 giờ/tháng (thấp nhất vào tháng 12).

Gió: Hướng gió thịnh hành là gió Đông từ tháng 11 đến tháng 4; gió Đông Nam tháng 5; gió Tây tháng 6 đến tháng 9; gió Tây Nam tháng 10. Tốc độ gió trung bình năm là 3,9m/s, trung bình tháng lớn nhất là 4,9m/s, trung bình tháng nhỏ nhất là 3,1m/s.

2.2. Đặc điểm thủy văn

Huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ bán nhật triều biển Đông, chảy vào huyện theo hai hướng chính: Hướng từ sông Hậu chảy qua các kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, kênh 30/4 và các kênh thủy lợi; Hướng từ sông Mỹ Thanh đổ vào qua sông Nhu Gia theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng bị ngăn chặn, chủ động bởi các cống ngăn mặn, điều tiết nước. Nên được chia làm 2 vùng như sau:

Vùng 1: Từ QL1A về hướng đông bắc đến Ké Sách và Long Phú, chịu ảnh hưởng trực tiếp của triều biển Đông thông qua sông Hậu, các kênh rạch ở Ké Sách và thông qua 2 trục kênh chính của vùng là kênh 30/4 và kênh An Mỹ-30/4, kênh; với biên độ triều trung bình từ 0,5 - 1m, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Vùng 2: Từ QL1A đến phía Tây Nam giáp huyện Mỹ Tú, kênh Tân Lập và sông Nhu Gia, chịu ảnh hưởng của triều biển Đông thông qua kênh Quản lộ Phụng Hiệp, và chịu ảnh hưởng của triều sông Nhu Gia thông qua các cống điều tiết nước ở dọc theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, sông Nhu Gia; có biên độ triều từ 0,5 - 0,7m, hay bị gập úng ở phía bắc gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

2.3. Đặc điểm địa hình, địa chất công trình

Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ +0,3m đến +1,2m. Địa chất của huyện được hình thành bởi các tầng địa chất chủ yếu là trầm tích mới. Độ sâu từ 0 - 20m phổ biến là đất sét pha thịt có độ dẻo cao và mềm chịu lực kém. Độ sâu từ 20 - 21 m là đất sét có độ dẻo trung bình và thấp, chịu lực tốt.

Huyện có hướng dốc chính nghiêng từ Đông Nam sang Tây Bắc, với 1/3 diện tích đất nằm ở vùng tương đối cao, tập trung ở các xã Phú Tân, Phú Tâm, An Hiệp và An Ninh. Phần diện tích còn lại nằm ở vùng trung bình đến thấp tập trung ở các xã Hồ Đắc Kien, Thiện Mỹ và một phần ở các xã Phú Tâm, Phú Tân, Thuận Hoà, An Hiệp, An Ninh và thị trấn Châu Thành.

Qua kết quả tham khảo bản đồ đất của Hội khoa học đất Việt Nam và Sở Địa chính Sóc Trăng năm 1999 cho thấy, trên địa bàn của huyện Châu Thành được chia làm 4 nhóm đất chính sau:

Nhóm đất phèn chiếm 15,32% tổng diện tích tự nhiên (Trong đó: Nhóm đất phèn tiềm tàng chiếm 10,12% tổng diện tích tự nhiên; Nhóm đất phèn hoạt động chiếm 5,85% tổng diện tích tự nhiên). Tập trung nhiều ở vùng thấp xa xưa bị nước mặn xâm

nhập như các xã: Hồ Đắc Kiện và một phần ở xã Thiện Mỹ. Việc sử dụng nhóm đất này phụ thuộc nhiều vào khả năng tưới tiêu.

Các nhóm đất phèn trong điều kiện mặn thường xuyên, mặn nặng chỉ thuận lợi cho việc trồng rừng và có khả năng nuôi tôm nhưng trong quá trình sử dụng không nên đào xới làm xáo trộn đất làm cho tầng phèn bị oxy hoá. Các đất phèn có tầng phèn sâu và mặn nhẹ thuận lợi cho trồng lúa. Các đất phèn có tầng nông, mặn ít đến trung bình thích hợp cho các cây trồng như tràm hoặc một số cây chịu phèn như mía, khóm,...

Nhóm đất phù sa: Được bồi đắp chủ yếu bởi hệ thống sông Hậu, có hàm lượng phù sa dồi dào (chiếm 48,86% diện tích tự nhiên của huyện). Đây là nhóm đất phù sa ngọt không có phèn và ít bị nhiễm mặn, được bồi đắp hàng năm. Tập trung ở các xã có địa hình từ trung bình đến cao như: một phần ở xã Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ, Thuận Hoà, An Ninh, An Hiệp...

Nhóm đất giồng cát: Là sự hình thành các giồng cát, được cấu tạo bởi cát mịn thường có dạng vòng cung kéo dài (chiếm 0,68% diện tích tự nhiên). Phân bố dọc theo Đường tỉnh 932 của các xã Phú Tâm, Phú Tân và An Hiệp và dọc theo Đường tỉnh 938 của xã An Ninh. Thích hợp cho các cây rau, màu.

Nhóm đất nhân tác: Được hình thành trong quá trình lên liếp, phân bố rải rác toàn huyện (chiếm 14,91% tổng diện tích tự nhiên).

2.4. Cảnh quan thiên nhiên

Ngoài đặc điểm là đô thị có vị trí tiếp giáp Quốc lộ 1, thị trấn Châu Thành nhìn chung có cảnh quan thiên nhiên khá đẹp với nhiều hệ thống sông ngòi, kênh rạch.

3. Hiện trạng về phát triển kinh tế xã hội

Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GDP) năm 2015 đạt 1.255,4 tỷ đồng (theo giá cố định 1994), tốc độ tăng trưởng kinh tế là 13,11%, trong đó khu vực I tăng 6,6%, khu vực II tăng 17,28%; khu vực III tăng 18,06%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, Khu vực I là 47,68%, Khu vực II là 22,24%, Khu vực III là 30,08%; thu nhập bình quân đầu người đạt 28,640 triệu đồng/người/năm (theo giá hiện hành). Giá trị sản xuất bình quân trên một ha đất nông nghiệp, thủy sản đạt 115 triệu đồng.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2015 (theo giá cố định 1994) ước thực hiện được 3.427,888 tỷ đồng, đạt 114,3% kế hoạch (tăng 22% so cùng kỳ). Trong đó công nghiệp địa phương là 512,842 tỷ đồng, đạt 102,5% kế hoạch (tăng 15% so cùng kỳ). Trong năm 2015 tăng 14 cơ sở CN-TTCN, nâng đến nay là 540 cơ sở với 5.740 lao động; Tổng mức bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng năm 2015 ước thực hiện được 3.929 tỷ đồng, đạt 102,32% kế hoạch, tăng 07% so cùng kỳ.

Thủy sản: Diện tích nuôi thủy sản trong năm ước được 1.420 ha, đạt 94,7% KH, giảm 124 ha so cùng kỳ 2014 (do tình hình thực hiện cơ giới hóa trong khâu thu hoạch nên người dân hạn chế thả nuôi) gồm các mô hình cá - ao, cá - lúa - sen, cá vèo. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 7.694 tấn đạt 88,3% KH huyện, 335% KH tỉnh giao.

Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc ước năm 2015 có 47.932 con đạt 110% KH, trong đó: đàn heo đạt 44.800 con, đạt 110,6% KH (tăng 4.930 con so với cùng kỳ), đàn trâu 32 con đạt 80% KH (giảm 04 con so cùng kỳ), đàn bò 3.100 con đạt 103,3% KH (trong đó có 250 con bò sữa), tăng 283 con so với cùng kỳ. Tổng đàn gia cầm có 1.700.000 con, đạt 100% KH. Công tác giám sát dịch bệnh: Năm 2015 phát hiện 11 con heo bị nhiễm bệnh lở mồm long móng tại lò giết mổ tập trung xã Thuận Hòa và áp

Xây Cáp, thị trấn Châu Thành, kết quả đã tiêu hủy, phun thuốc xử lý và không chế ổ dịch, hiện tại thì không có phát sinh ổ dịch mới.

Màu và cây công nghiệp ngắn ngày: Diện tích gieo trồng ước đạt 2.971 ha, đạt 101% KH, giảm 226 ha so cùng kỳ (do giá cả và thị trường tiêu thụ không ổn định nên người dân hạn chế xuống giống). Triển khai lắp đặt 3 hệ thống tưới phun cho mô hình trồng rau trong nhà lưới và giao phối giống nấm bào ngư cho các hộ tham gia mô hình trồng nấm bào ngư.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG; SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI; CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA ĐÔ THỊ

1. Hiện trạng dân số và lao động

Huyện Châu Thành gồm toàn bộ diện tích của các xã Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ và thị trấn Châu Thành với diện tích 23.628,55 ha và dân số 102.149 người (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2015).

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương, đã giải quyết việc làm cho 3.475 lao động, dạy nghề cho 1.749 lao động bình quân mỗi năm có 3.463 lao động được giải quyết việc làm mới. Ước đến cuối năm 2015 giải quyết việc làm cho 4.000 lao động, đạt 200% KH; triển khai đào tạo nghề cho 2.090 lao động, đạt 100% KH; công tác xuất khẩu lao động đến nay là 09 lao động, đạt 60% KH. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề đạt 41,99% chỉ tiêu giao. Phê duyệt, tổng hợp danh sách nghèo thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg (Quyết định 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) báo cáo Sở Xây dựng với tổng số 690 hộ nghèo.

Theo Nghị định số 02/2008/NĐ-CP, thị trấn Châu Thành được thành lập gồm các phần đất của 2 xã Thuận Hoà (603,80 ha) và Hồ Đắc Kiện (165 ha) của huyện Mỹ Tú. Thị trấn Châu Thành có diện tích 788,41 ha và có khoảng 2.565 hộ, 11.410 nhân khẩu, trong đó người Kinh 1.232 hộ, chiếm 48,03%; Hoa 61 hộ, chiếm 2,38%; dân tộc Khmer 1.268 hộ, chiếm 49,43%; dân tộc khác 4 hộ, chiếm 0,16%. (Theo Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 19/5/2017 của UBND thị trấn Châu Thành về tình hình dân số trên địa bàn thị trấn).

2. Hiện trạng sử dụng đất

2.1. Tổng diện tích tự nhiên toàn thị trấn là: 788,41 ha, cụ thể từng diện tích từng loại đất như sau:

- + Đất nông nghiệp: 647,46 ha chiếm 82,12% tổng diện tích tự nhiên.
- + Đất phi nông nghiệp: 140,95 ha chiếm 17,88% tổng diện tích tự nhiên.

2.2. Diện tích đất chia theo mục đích sử dụng

2.2.1. Đất nông nghiệp:

Nhóm đất nông nghiệp (NNP) có diện tích là 647,46 ha chiếm 82,12% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp (SXN) có diện tích 635,42 ha chiếm 80,60% tổng diện tích tự nhiên trong đó:

+ Đất trồng cây hàng năm (CHN): toàn xã có 523,88 ha, chiếm 66,45% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: đất trồng lúa 510,78 ha chiếm 64,79% tổng diện tích tự nhiên và đất trồng cây hàng năm khác 13,10 ha, chiếm 1,66% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất trồng cây lâu năm: 111,54 ha, chiếm 14,15% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): toàn xã có 7,62 ha, chiếm 0,97% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất nông nghiệp khác (NKH): có 4,43 ha, chiếm 0,56% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp:

Nhóm đất phi nông nghiệp (PNN) có diện tích 140,95 ha chiếm 17,88% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

a. Đất ở (OTC) có diện tích 35,33 ha chiếm 4,48% tổng diện tích tự nhiên.

b. Đất chuyên dùng (CDG) có diện tích 73,64 ha chiếm 9,34% tổng diện tích tự nhiên trong đó:

- Đất XD trụ sở (TSC) có diện tích 7,18 ha chiếm 0,91% tổng DT tự nhiên;

- Đất quốc phòng (CQP) có diện tích 3,09 ha, chiếm 0,39% tổng DT tự nhiên;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp (DSN): có 9,45 ha, chiếm 1,20% tổng diện tích tự nhiên;

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (CSK): có 3,94 ha, chiếm 0,50% tổng diện tích tự nhiên;

- Đất có mục đích công cộng (CCC): có 43,08 ha, chiếm 5,46% tổng DTTN.

c. Đất cơ sở tôn giáo (TON): có 0,06 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên

d. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): Có diện tích 31,92 ha chiếm 4,05% diện tích tự nhiên.

2.3. Diện tích đất chia theo đối tượng sử dụng và đối tượng quản lý

2.3.1. Đất nông nghiệp:

Chia theo đối tượng sử dụng đất

- Hộ gia đình cá nhân (GDC) sử dụng 643,75 ha chiếm 99,43% diện tích đất nông nghiệp.

- UBND (UBQ) quản lý 3,61 ha chiếm 0,46% diện tích đất nông nghiệp.

2.3.2. Đất phi nông nghiệp:

Chia theo đối tượng sử dụng đất

- Hộ gia đình cá nhân (GDC) sử dụng 38,68 ha chiếm 27,44% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức kinh tế (TKT) sử dụng 0,65 ha chiếm 0,46% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Cơ quan đơn vị của nhà nước (TCN) sử dụng 23,44 ha chiếm 16,63% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức sự nghiệp công lập (TSN) sử dụng 3,45 ha chiếm 2,45% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Cộng đồng dân cư (CDS) 0,06 ha chiếm 0,04% tổng DT đất phi nông nghiệp.

Chia theo đối tượng quản lý đất

- UBND xã (UBQ) quản lý 33,26 ha chiếm 23,60% tổng DT đất phi NN.

- Tổ chức khác (TKQ) quản lý 41,41 ha chiếm 29,38% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

2.4. Diện tích đất biến động từ năm 2010 đến năm 2014

2.4.1. Đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp giảm 41,62 ha so với năm 2010, trong đó:

Đất sản xuất nông nghiệp giảm 50,46 ha so với năm 2010.

- Đất trồng cây hàng năm giảm 65,96 ha so với năm 2010, trong đó:

+ Đất trồng lúa giảm 70,51 ha so với năm 2010.

+ Đất trồng cây hàng năm khác giảm 4,55 ha so với năm 2010.

+ Đất trồng cây lâu năm tăng 15,50 ha so với năm 2010.

Đất nuôi trồng thủy sản tăng 7,62 ha so với năm 2010.

Đất nông nghiệp khác tăng 1,23 ha so với năm 2010.

2.4.2. Đất phi nông nghiệp:

Tổng diện tích phi nông nghiệp tăng 61,23 ha so với năm 2010 gồm:

a- Đất ở tại nông thôn (ONT) tăng 18,56 ha so với năm 2010

b- Đất chuyên dùng (CDG) tăng 23,41 ha so với năm 2010, trong đó:

- Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (TSC) giảm 0,45 ha so với năm 2010.

- Đất quốc phòng (CQP) tăng 3,09 ha so với năm 2010.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp (DSN) tăng 1,59 ha so với năm 2010.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (CSK) tăng 3,94 ha so với năm 2010 do lấy từ đất ở.

- Đất có mục đích công cộng (CCC) tăng 15,24 ha so với năm 2010.

c. Đất cơ sở tôn giáo giảm 0,06 ha so với năm 2010.

d. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT giảm 0,06 ha so với 2010.

e. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối tăng 19,32 ha so với năm 2010.

Diện tích giữa năm 2010 và năm 2014 có sự chênh lệch nguyên nhân do kỳ kiểm kê năm 2015 làm theo Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT bằng công nghệ số nên số liệu chính xác hơn.

Thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

CƠ CẤU DIỆN TÍCH THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG, QUẢN LÝ ĐẤT																											Thị trấn Châu Thành	
(Đến ngày 31/12/2014)																											Huyện Châu Thành	
CƠ CẤU DIỆN TÍCH THEO ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG																											Tỉnh Sóc Trăng	
Đơn vị tính diện tích: ha																											Đơn vị tính diện tích: ha	
Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích các loại đất trong đơn vị hành chính	Cơ cấu diện tích loại đất so với tổng diện tích trong đơn vị hành chính	Cơ cấu diện tích theo đối tượng sử dụng																		Cơ cấu diện tích theo đối tượng quản lý					
					Hộ gia đình cá nhân trong nước(GDC)		Tổ chức trong nước (TCC)				Tổ chức nước ngoài (NNG)				Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)		Công đồng dân cư và cơ sở tôn giáo (CDS)		UBND cấp xã (UBQ)		Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ)		Công đồng dân cư và Tổ chức khác (TKQ)					
					Diện tích	%	Tổ chức kinh tế (TKT)		Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN)		Tổ chức sự nghiệp công lập (TSN)		Tổ chức khác (TKH)		Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)		Tổ chức ngoại giao (TING)		Diện tích	%	Diện tích	%	Diện tích	%	Diện tích	%	Diện tích	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(20)	(21)	(22)	(23)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		788.41	100.00	682.43	86.56	0.65	0.08	27.16	3.44	3.45	0.44									0.06	0.01	33.26	4.22			41.41	5.25
1	Đất nông nghiệp	NNP	647.46	82.12	643.75	99.43			3.71	0.57																		
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	635.42	80.60	631.70	99.41			3.71	0.58																		
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	523.88	66.45	520.36	99.33			3.52	0.67																		
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	510.78	64.79	510.78	100.00																						
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13.10	1.66	9.59	73.21			3.52	26.87																		
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	111.54	14.15	111.34	99.82			0.20	0.18																		
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP																										
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX																										
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH																										
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD																										
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7.62	0.97	7.62	100.00																						
1.4	Đất làm muối	LMU																										
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	4.43	0.56	4.43	100.00																						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	140.95	17.88	38.68	27.44	0.65	0.46	23.44	16.63	3.45	2.45									0.06	0.04	33.26	23.60			41.41	29.38
2.1	Đất ở	OCT	35.33	4.48	35.32	99.97																0.01	0.03					
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT																										
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	35.33	4.48	35.32	99.97																0.01	0.03					
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	73.64	9.34	3.36	4.56	0.65	0.88	23.44	31.83	3.45	4.68										27.14	36.85			15.60	21.18	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7.18	0.91					7.18	100.00																		
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	3.09	0.39					3.09	100.00																		
2.2.3	Đất an ninh	CAN	6.90	0.88					6.90	100.00																		
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	9.45	1.20					6.14	64.97	3.32	35.13																
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	3.94	0.50	3.36	85.28	0.46	11.68			0.13	3.30																
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	43.08	5.46			0.20	0.46	0.14	0.32												27.14	63.00			15.60	36.21	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0.06	0.01																	0.06	100.00						
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																										
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD																										
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	31.92	4.05																		6.11	19.14			25.81	80.86	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																										
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																										
3	Đất chưa sử dụng	CSD																										
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS																										
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																										
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS																										
II	Đất có mặt nước ven biển (quan sát)	MVB																										
1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	MVT																										
2	Đất mặt nước ven biển có rừng	MVR																										
3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	MVK																										

3. Hiện trạng về hạ tầng kỹ thuật

3.1. Nền xây dựng

Cao độ hiện trạng khu vực trung tâm đô thị hiện nay vào khoảng +1,130 (Hệ tọa độ VN2000, cao độ Hòn Dấu).

3.2. Hệ thống giao thông

+ *Giao thông đường thủy*

Hệ thống giao thông thủy bao gồm các tuyến kênh: Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng dọc theo Quốc lộ 1, kênh Mười Hai, kênh Giồng Cát (đã lấp một phần kênh Giồng Cát phía tiếp giáp Quốc lộ 1 để phục vụ phát triển thương mại và dân cư).

+ *Giao thông đường bộ*

Tuyến giao thông chính hiện nay là tuyến Quốc lộ 1, đây là mạch lưu thông chính xuyên suốt từ thành phố Sóc Trăng đến thị trấn và đến tỉnh Hậu Giang, thành phố Cần Thơ, TP.HCM. tuyến Thuận Hòa - Phú Tâm kết nối đô thị Châu Thành theo hướng Đông Tây, tuyến đường trục chính nối Quốc lộ 1 vào trung tâm huyện (tuyến đường B5)...

Ngoài ra khu vực thị trấn đã hình thành nhiều tuyến lộ nhựa chủ yếu tập trung tại khu vực phía Đông Quốc lộ 1 khu trung tâm hành chính huyện.

Hiện nay huyện đang tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến giao thông đầu nối liên kết các khu chức năng xoay quanh trục đường chính vào khu trung tâm huyện (tuyến đường B5).

+ *Nhận xét, đánh giá:*

Hiện trạng giao thông Đô thị Châu Thành vẫn còn khó khăn, đặc biệt là khu vực phía bờ Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và khu vực vào sâu bên trong của phía Đông Quốc lộ 1. Do vậy, cần đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đường bộ tương xứng khi phát triển mở rộng đô thị.

BẢNG THỐNG KÊ LỘ GIỚI GIAO THÔNG HIỆN TRẠNG KHU VỰC TRUNG TÂM (TRONG PHẠM VI 362 HA)

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DẦY PHÂN CÁCH (m)
1	ĐƯỜNG A1	562,00	12	8	2+2	-
2	ĐƯỜNG A2	522,00	16	8	4+4	-
3	ĐƯỜNG B5	982,00	26	8+8	4+4	2
4	TỈNH LỘ 14	286,00	14	8	3+3	-
5	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM	1063,00	10	6	2+2	-
6	ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN	1128,75	12	8	3+3	-
7	QUỐC LỘ 1	1420,00	30	8+8	6+6	2

3.3. Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa hiện nay chủ yếu được xây dựng dọc theo tuyến đường Quốc lộ 1 và một số tuyến lộ chính. Các khu vực khác nước mưa tự thoát theo địa hình tự nhiên. Trong giai đoạn sắp tới, với các hệ thống giao thông đang triển khai trong trung tâm đô thị, hệ thống thoát nước mưa sẽ đi vào hoàn thiện.

BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
KHU VỰC TRUNG TÂM, S = 362Ha

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI HỆ THỐNG (m)
1	ĐƯỜNG A1	1124.00
2	ĐƯỜNG A2	1044.00
3	ĐƯỜNG B5	1964.00
4	TỈNH LỘ 14	572.00
5	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM	2126.00
6	ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN	2256.00
7	QUỐC LỘ 1	2840.00

3.4. Hệ thống cấp nước

Hiện tại có 2 nhà máy cấp nước tại khu vực phía Tây Bắc của đô thị và chi nhánh nước sạch & VSMT nông thôn huyện Châu Thành trên trục đường chính vào trung tâm huyện.

+ Phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: Nhà máy nước hiện hữu phục vụ cho khu vực được nâng cấp với công suất $Q = 3.000\text{m}^3/\text{ngày}$. Có diện tích đất là 0,07ha.

+ Phía Đông kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: Nhà máy nước hiện hữu phục vụ cho khu vực được nâng cấp với công suất $Q = 4.000\text{m}^3/\text{ngày}$.

Để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho đô thị đến năm 2030 thì cần nâng cấp nhà máy nước phía Tây kênh xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng lên công suất $4.000\text{m}^3/\text{ngày}$. Diện tích đất đảm bảo, không cần mở rộng thêm.

3.5. Hệ thống cấp điện

Thị trấn đang dùng nguồn điện quốc gia qua trạm 110/22KV – 20MVA Sóc Trăng. Từ trạm này có các phát tuyến 22KV từ Sóc Trăng đi huyện Châu Thành.

Hệ thống cấp điện khu vực trung tâm đã ổn định. Tuy nhiên trong thời gian sắp tới cần liên tục đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống theo định hướng mở rộng đô thị để đáp ứng nhu cầu cho tình hình phát triển hiện nay.

Đối với các khu đô thị mới, cần xây dựng hệ thống cấp điện hiện đại và đồng bộ.

Ngoài ra, hiện nay trên đường A4 còn có tuyến điện cao thế 66KV đi ngang qua thị trấn.

3.6. Hiện trạng về thoát nước bản và vệ sinh môi trường

+ Hệ thống thoát nước thải

Đô thị chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải sinh hoạt thoát ra kênh mương theo hệ thống thoát nước mưa.

+ Rác thải:

Hiện nay huyện đã có quy hoạch khu vực bãi rác nằm về phía Tây thị trấn trên tuyến Tỉnh lộ 939B và tuyến kênh Mười Hai thuộc ấp Trà Quýt B, gần kênh Cống 1.

+ Nghĩa trang:

Hiện nay huyện đã có quy hoạch khu vực nghĩa trang nằm về phía Tây thị trấn trên tuyến Tỉnh lộ 939B và tuyến kênh Mười Hai thuộc ấp Trà Quýt B, cách trung tâm thị trấn khoảng 2,5km (gần khu vực bãi rác).

4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội

4.1. Công trình công cộng, thương mại

Khu trung tâm hành chính huyện đã được đầu tư xây dựng khang trang trên tuyến đường chính B5.

Hiện nay Ủy ban nhân dân thị trấn có trụ sở trên tuyến Quốc lộ 1. Theo định hướng quy hoạch, sẽ được dời về vị trí trên trục đường A4, gần khu vực chợ và các công trình công cộng của Huyện. Vị trí này sẽ được sử dụng để phát triển thương mại dịch vụ.

Các công trình công cộng chủ yếu tập trung tại trục đường chính từ Quốc lộ 1 vào trung tâm huyện. Hiện nay khu vực này đang tiếp tục xây dựng một số công trình mới và cải tạo chỉnh trang một số công trình cũ đang xuống cấp. Chợ trung tâm huyện có vị trí hướng ra Quốc lộ 1, cách Quốc lộ khoảng 200m. Hiện nay huyện đang có chủ trương tiếp tục phát triển khu thương mại dịch vụ trên trục đường chính vào trung tâm huyện.

4.2. Công trình an ninh, Quốc phòng

Trụ sở Công an huyện đã được xây dựng tại phía bờ Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, gần ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai.

Huyện đội cũng đã được xây dựng tại phía sau trung tâm hành chính huyện, trên trục đường Thuận Hòa – Phú Tâm.

4.3. Công trình Văn hóa – Thể thao

Hiện nay đô thị chưa có một trung tâm văn hóa – thể thao hoàn chỉnh đủ quy mô đáp ứng được yêu cầu phát triển và sinh hoạt của người dân trong hiện tại và tương lai.

4.4. Y tế

Thị trấn đang có một trung tâm y tế đang hoạt động nằm trên Quốc lộ 1 gần ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai. Tuy nhiên dự kiến khu vực này sẽ thay thế chức năng thành siêu thị để phát triển thương mại dịch vụ. Hiện tại huyện đang có dự án xây dựng bệnh viện tại vị trí giáp với Huyện đội trong khu vực khu trung tâm hành chính huyện, trên đường A1.

4.5. Giáo dục – đào tạo, dạy nghề

Trong những năm qua, Huyện cũng như các cấp luôn quan tâm chỉ đạo tăng cường đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp trường lớp, tạo mặt bằng để có điều kiện triển khai các dự án đầu tư xây dựng trường lớp. Tuy nhiên số lượng trường học phục vụ người dân nhìn chung vẫn còn thiếu. Hiện nay tại khu vực phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng đã xây dựng các trường tiểu học Thuận Hòa, trường THCS thị trấn Châu Thành, trường THPT Thuận Hòa và một trường mẫu giáo tại đầu kênh Giồng Cát. Thị trấn cũng vừa đưa vào hoạt động Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường dạy nghề cạnh trung tâm hành chính huyện, trên trục đường A1.

4.6. Nhà ở đô thị

Dân cư bám dọc theo tuyến Quốc lộ 1 và các tuyến lộ chính, mật độ dân cư lớn tập trung dày đặc trên tuyến Quốc lộ. Mật độ dân cư giảm dần vào phía trong theo các hướng về liên huyện, liên xã.

Các công trình nhà ở kiên cố chủ yếu tập trung theo tuyến Quốc lộ 1, tuyến đường B5 và tuyến Thuận Hòa – Phú Tâm, còn lại là nhà bán kiên cố và ở tạm.

5. Đánh giá quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chung năm 2007 và quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính đô thị Châu Thành năm 2009

5.1. Đánh giá chung

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thuận Hòa (nay là Châu Thành) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt theo Quyết định số 130/QĐHC-CTUBND ngày 30/01/2007 trước khi được công nhận là thị trấn huyện lỵ của huyện Châu Thành.

Sau khi có Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 24/10/2008 của Chính phủ thành lập huyện Châu Thành, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho thị trấn huyện lỵ là cấp bách, vì vậy phải triển khai lập quy hoạch chi tiết 1/500 để làm cơ sở đầu tư xây dựng đồng thời phải nghiên cứu điều chỉnh qui hoạch chung cho phù hợp với quy mô chức năng của thị trấn huyện lỵ.

Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu hành chính đô thị Châu Thành với quy mô 75ha đã thể hiện được khu vực trung tâm của thị trấn với các chức năng cơ bản như: khu trung tâm hành chính huyện, khu vực các cơ quan ban ngành cấp huyện, chợ, công viên, khu vực dân cư... Hệ thống kết nối với Quốc lộ 1 qua trục đường chính (đường B5) có lộ giới 26m. Quá trình triển khai đồ án quy hoạch chi tiết ra thực địa đến nay, ngoài một số khu chức năng có điều chỉnh bổ xung cho phù hợp thực tế, cơ bản các công trình và cơ sở hạ tầng đã được triển khai xây dựng tương đối phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt.

Đồ án hình thành trong điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn, huyện vừa tách lập nên chủ yếu là ổn định dân cư, xây dựng trung tâm hành chính và các phòng ban cơ bản của huyện. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, quá trình xây dựng và phát triển thị trấn huyện lỵ đã đạt được nhiều bước tiến vượt bậc. Hình dáng đô thị đã và đang hình thành kết hợp với nguồn lực kinh tế đang phát triển và động lực của một đô thị thuộc vùng cửa ngõ của tỉnh Sóc Trăng đang đặt ra cho đô thị Châu Thành các giải pháp cấp bách về việc mở rộng và phát triển đô thị, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng để đáp ứng với yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Bảng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt năm 2009

STT	TÊN LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT Ở	30,34	40,45
	- NHÀ HIỆN TRẠNG CẢI TẠO XÂY CHEN	0,9	
	- NHÀ LIÊN KẾ THƯƠNG MẠI	10,29	
	- NHÀ VƯỜN	9,36	
	- NHÀ Ở THU NHẬP THẤP	2,02	
	- NHÀ TÁI ĐỊNH CƯ MỚI	4,73	
	- KHU TÁI ĐỊNH CƯ HIỆN HỮU	3,04	
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	9,45	12,60
	- KHU HÀNH CHÁNH HUYỆN	4,15	
	- KHU HÀNH CHÁNH THỊ TRẤN	0,70	
	- NHÀ TRIỂN LÃM	0,64	
	- NHÀ BẢO TÀNG	0,64	
	- NHÀ TRÈ – MẪU GIÁO	0,78	
	- TRUNG TÂM GDTX – DẠY NGHỀ	0,4	
	- TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	0,4	
	- ĐÀI TRUYỀN THANH	0,25	
	- THI HÀNH ÁN	0,15	

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

STT	TÊN LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)
	- VIÊN KIỂM SÁT	0,23	
	- TOÀ ÁN HUYỆN	0,50	
	- TRUNG TÂM THỐNG KÊ	0,15	
	- CHI NHÁNH ĐIỆN LỰC HUYỆN	0,40	
	- Y TẾ – HỘ SINH	0,06	
3	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (XEM CHI TIẾT)	5,28	7,04
4	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH-VĂN HÓA-TDĐT	5,97	7,96
	- KHU VĂN HÓA – TDĐT	3,62	
	- TT SINH HOẠT THANH THIẾU NIÊN	0,60	
	- TT VĂN HÓA – HỘI THẢO HỘI NGHỊ	0,60	
	- CLB THỂ DỤC THỂ THAO	0,60	
	- SÂN KHẤU NGOÀI TRỜI	0,60	
	- ĐƯỜNG NỘI BỘ – HỒ CẢNH	1,22	
	- CÂY XANH KHU Ở + QUẢNG TRƯỜNG	2,35	
5	ĐẤT GIAO THÔNG	19,68	26,24
6	ĐẤT QUÂN SỰ (HUYỆN ĐỘI)	4,28	5,71
	TỔNG CỘNG	75 ha	100%

5.2. Những tồn tại trong quá trình phát triển đô thị:

Tốc độ đô thị hóa còn chậm, huyện đang cố gắng tập trung đầu tư phát triển một số công trình khu vực trung tâm thị trấn, các khu vực khác trong thị trấn chưa được đầu tư.

Các dự án có sức lan tỏa thúc đẩy đô thị phát triển như khu thương mại dịch vụ, các công trình an sinh xã hội có quy mô chưa được đầu tư xây dựng bài bản.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhìn chung chưa kết nối đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của đô thị hiện tại và trong tương lai. Các trục giao thông vuông góc với tuyến lộ chính B5 hầu như chưa được đầu tư. Các công trình đầu mối của thị trấn hầu như chưa có.

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn nhiều hạn chế do nguồn ngân sách còn hạn hẹp. Các dự án kêu gọi xã hội hóa chưa thực sự hấp dẫn, chưa thu hút đầu tư.

Hệ thống các công trình phía Tây Nam kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng vẫn còn thiếu sự kết nối với khu đô thị hiện hữu.

Việc bảo tồn và nâng cao các giá trị của địa phương như: hệ thống sông rạch đặc thù, hệ thống các công trình văn hóa vẫn còn nhiều thách thức.

Còn nhiều tuyến dân cư hiện trạng sống ven sông rạch gây ô nhiễm môi trường. Dân cư đô thị có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

5.3. Những đề xuất điều chỉnh và quy hoạch mới:

Trên cơ sở đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thuận Hòa (nay là Châu Thành) và quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm hành chính huyện, đồ án quy hoạch chung điều chỉnh cần nghiên cứu xác định phạm vi mở rộng phát triển đô thị với quy mô hợp lý và tiến hành nâng cấp, điều chỉnh những khu vực chức năng phù hợp với tình hình thực tế.

Quá trình triển khai quy hoạch chi tiết ra thực địa đến nay, cơ bản các công trình và cơ sở hạ tầng đã được triển khai xây dựng tương đối phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên vẫn có một số điều chỉnh, thay đổi do tình hình quỹ đất xây dựng của địa phương, các nguồn lực thực hiện, nhu cầu thực tế... Cụ thể như sau:

- Khu trung tâm hành chính huyện lỵ đã được xây dựng có vị trí phù hợp với quy hoạch được phê duyệt năm 2009;

- Dãy các công trình liên cơ quan ban ngành cấp huyện và các công trình thương mại dịch vụ trên trục đường chính B5 có nhiều điều chỉnh, thay đổi theo hướng ưu tiên phát triển thương mại – dịch vụ, phát triển kinh tế địa phương. Những điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Điều chỉnh vị trí xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm dạy nghề về vị trí mới trên trục đường A1 (đối diện khu trung tâm hành chính huyện);

+ Vị trí xây dựng các công trình: Chi cục thuế, ngân hàng chính sách, ngân hàng MHB, Kho bạc, Bảo hiểm xã hội, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn được xác định mới vẫn trên trục đường B5 nhưng dời vị trí đến khu vực tiếp giáp với đường A2 (cạnh khu trung tâm hành chính huyện);

+ Vị trí xây dựng các công trình: Tòa án nhân dân huyện, Viện kiểm sát Nhân dân, Chi cục thi hành án, phòng Thống kê, Bưu điện xác định tại vị trí mới vẫn trên trục đường B5 nhưng dời đến khu vực đoạn từ trục đường A4 đến trục đường A5 (khu vực này được xác định trong đồ án quy hoạch cũ là vị trí xây dựng các công trình thương mại - dịch vụ);

+ Trên trục B5, đoạn từ đường A3 đến đường A4 theo đồ án quy hoạch được phê duyệt năm 2009 là khu vực xây dựng các công trình liên cơ quan ban ngành cấp huyện (hiện nay quỹ đất này do UBND huyện Châu Thành quản lý) sẽ được điều chỉnh thành khu vực đất thương mại – dịch vụ;

+ Khu vực dự kiến xây dựng nhà bảo tàng, nhà triển lãm phía trước khu trung tâm hành chính huyện sẽ được gộp chung với khu trung tâm văn hóa – TDTT tạo thành một tổng thể văn hóa – thể thao của khu vực.

- Xây dựng mới công trình bệnh viện đa khoa huyện tại khu vực đường A1 (cạnh khu trung tâm hành chính huyện, Huyện đội);

- Vị trí chợ, UBND hành chính thị trấn sẽ được xây dựng phù hợp với quy hoạch tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt năm 2009;

- Trường mẫu giáo khu vực phía cuối đường A3 dự kiến sẽ dời về bên cạnh, trả tuyến đường A3 thông suốt đến tuyến đường B6.

- Lắp kênh Giồng Cát, đoạn từ kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng đến khu vực phía sau Huyện đội (vị trí cuối đường A1), đoạn kênh được lắp dài khoảng 1000m. Nhìn vào quá trình phát triển của đô thị đến thời điểm hiện tại cũng nhận thấy đô thị phát triển chủ yếu hướng Đông Nam của kênh Giồng Cát, tập trung trên tuyến QL1 và trục chính vào khu hành chính, định hướng phát triển của đô thị trọng tâm về hướng Đông của kênh xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng, đồng thời thực tế sự phát triển tự nhiên của đô thị dẫn đến đã lắp 1 đoạn kênh với chiều dài khoảng 370m, tính từ vị trí Quốc lộ 1 theo hướng đi An Lạc Thôn. Nhận thấy việc lắp kênh là phù hợp với tình hình phát triển thực tế của đô thị, vừa đảm bảo giao thông thuận lợi ở đoạn giao với Quốc lộ 1, vừa tăng quỹ đất phát triển đô thị, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhưng vẫn xử lý được hệ thống thoát nước cho đô thị. Phần đất lắp kênh được quy hoạch thành đất cây xanh, trước mắt vẫn đảm bảo cho việc sử dụng nước để sản xuất nông nghiệp Việc lắp đoạn kênh cũng không làm ảnh hưởng đến hiện trạng thoát nước hiện nay của đô thị;

- Mở rộng quy mô đô thị lên 362 ha, trong đó hướng phát triển tập trung về phía Tây Nam, một phần phía Bắc và phía Nam;
- Một số công trình công cộng bên phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng đã hình thành như: Công trình Công an huyện, trường tiểu học, trường THCS, trường THPT được chỉnh trang cho phù hợp với quy hoạch tổng thể được điều chỉnh;
- Định hình tuyến đường tỉnh 939B, phát triển thêm quỹ đất dự trữ song song với trục đường 939B;
- Các công trình giáo dục, y tế và công trình thương mại dịch vụ được tính toán xác định quy mô đáp ứng cho đô thị và đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân nơi đây.

5.4. Đánh giá tổng hợp

Quá trình triển khai quy hoạch chi tiết ta thực địa đến nay, cơ bản các công trình và cơ sở hạ tầng đã được triển khai xây dựng tương đối phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên vẫn có một số điều chỉnh, thay đổi do tình hình quỹ đất xây dựng của địa phương, các nguồn lực thực hiện, nhu cầu thực tế.

Là đô thị có nhiều động lực, thị trấn Châu Thành có tiềm năng phát triển mạnh, tuy nhiên hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa phát triển và đồng bộ, cần được nâng cấp và đầu tư mạnh mẽ trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Quy mô đô thị cần được xem xét nghiên cứu mở rộng để phù hợp với tiềm năng phát triển của đô thị.

Kết quả phát triển kinh tế xã hội và xây dựng phát triển đô thị của địa phương trong những năm qua đã đạt được những kết quả rất đáng tự hào, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số bất cập và khó khăn nhất định của chính quyền đô thị.

Việc quản lý xây dựng theo quy hoạch chưa có những quy định và hướng dẫn cụ thể gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng đến sự ổn định và hiệu quả trong công tác đầu tư xây dựng.

Các dự án đầu tư đặc biệt về hạ tầng kỹ thuật chưa được triển khai đồng bộ, chủ yếu do nguyên nhân khách quan về nguồn vốn, gây khó khăn và lãng phí cho quá trình xây dựng và phát triển đô thị.

Một số công tác lập dự án, điều chỉnh quy hoạch chưa kịp thời ảnh hưởng đến việc điều hành và quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội.

Các vấn đề trên cần được quan tâm khắc phục trong định hướng phát triển đô thị trong giai đoạn sắp tới.

IV. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Xác định mục tiêu, động lực phát triển

1.1. Quan điểm quy hoạch chung

- Quy hoạch phát triển thị trấn Châu Thành đảm bảo theo hướng phát triển đô thị bền vững, phù hợp với quan điểm phát triển và hội nhập với các đô thị trong tỉnh Sóc Trăng, đặc biệt là huyện Châu Thành nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Quy hoạch phải khai thác triệt để các yếu tố tiềm năng về công nghiệp, dịch vụ, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, phù hợp với các quy hoạch khác của tỉnh. Quy hoạch các phân khu chức năng đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

- Phân kỳ đề đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng mới đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị.

- Kế thừa các nghiên cứu quy hoạch đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt tại khu vực thị trấn Châu Thành hiện nay. Phát huy lợi thế vị trí địa lý là một đô thị động lực phía Tây Bắc của vùng tỉnh Sóc Trăng.

- Quy hoạch các khu chức năng đô thị đảm bảo phát huy tiềm năng sẵn có và tạo động lực phát triển đô thị.

- Là đô thị xanh, đẹp, tiện nghi, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường sống, làm việc, học tập, nghỉ ngơi, thuận lợi cho con người.

- Xây dựng đô thị mới hiện đại có tính đặc thù, đồng bộ về hạ tầng đô thị.

1.2. Mục tiêu đề án quy hoạch chung

- Xây dựng thị trấn Châu Thành thành trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục – đào tạo, thương mại dịch vụ, thể dục – thể thao của huyện Châu Thành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trở thành huyện công nghiệp và phân đấu sau năm 2020 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Quy hoạch xây dựng thị trấn Châu Thành với hệ thống hạ tầng hiện đại, đồng bộ, tạo môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng dân cư trong đô thị.

1.3. Động lực phát triển

Đô thị nằm trên tuyến hành lang phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam – vùng phát triển năng động hàng đầu Việt Nam.

Đô thị Châu Thành có lợi thế nằm trên tuyến Quốc lộ 1 và là cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 13 km và cách thành phố Cần Thơ khoảng 50 km. Tuyến Quốc lộ 1 đi qua khoảng 16,5 km là tuyến giao thông huyết mạch đi trong và ngoài huyện. Với vị trí địa lý trên đã tạo cho huyện Châu Thành một cầu nối kinh tế với các tỉnh phía Bắc Sóc Trăng và thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra tuyến đường tỉnh 939B, 932 sẽ kết nối thị trấn Châu Thành theo hướng Đông Bắc – Tây Nam đấu nối với thị trấn Kế Sách và Quốc lộ Nam Sông Hậu, Quản lộ Phụng Hiệp của tỉnh Sóc Trăng.

Việc xây dựng và phát triển đô thị Châu Thành sẽ tạo ra những cơ hội cho việc khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của huyện về lao động, đất đai, hệ thống giao thông và sự phát triển của các vùng phụ cận. Đặc biệt là được sự quan tâm của Nhà nước, tỉnh, huyện đầu tư xây dựng, đô thị Châu Thành sẽ nhanh chóng phát triển đủ điều kiện để sớm trở thành đô thị loại IV trong tương lai với tính chất là trung tâm hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ thương mại, thể dục thể thao của huyện Châu Thành.

Trên cơ sở tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của huyện trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế của huyện, đặc biệt là thị trấn Châu Thành ngày càng ổn định và phát triển về mọi mặt.

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng hơn 13%; cơ cấu kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 48%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 22%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 30%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng hơn 33 triệu đồng/người/năm; phân đấu xây dựng 2 xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Huy động vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 7.344 tỷ đồng.

Dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 14,23%; cơ cấu kinh tế khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 38%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 26%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 36%. GDP bình quân đầu người tính theo giá thực tế đạt khoảng 81,52 triệu đồng/người/năm. Huy động vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 17.944 tỷ đồng.

2. Tính chất đô thị

Thị trấn Châu Thành là đô thị huyện lỵ của huyện Châu Thành nằm trên trục hành lang kinh tế - kỹ thuật theo Quốc lộ 1, có những tính chất sau:

- Là trung tâm hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ thương mại, thể dục thể thao của huyện Châu Thành.

- Là đô thị vệ tinh của đô thị thành phố Sóc Trăng; cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh Sóc Trăng kết nối với các tỉnh lân cận;

- Là đầu mối giao thông, vận chuyển hàng hóa nhằm khai thác tiềm năng kinh tế trên hành lang Quốc lộ 1.

3. Dự báo quy mô dân số, lao động

Với sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của thị trấn Châu Thành cùng với vị trí thuận lợi về mọi mặt, trong tương lai Châu Thành sẽ thu hút được các nhà đầu tư cùng với sự tác động của các khu công nghiệp lân cận thu hút một lượng lao động rất lớn dẫn đến việc di dân từ nơi khác đến với Châu Thành ngày một tăng cao.

- Dân số hiện trạng thị trấn Châu Thành năm 2015 là khoảng 11.410 người, tỷ lệ tăng tự nhiên là 1,15%. Dự báo trong giai đoạn sắp tới, tỷ lệ tăng dân số cơ học và tốc độ đô thị hóa sẽ tăng mạnh do khả năng phát triển của thị trấn.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,00% vào năm 2020 và 2030. Quy mô dân số toàn huyện tăng từ 102.149 người vào năm 2015 lên 125.179 người vào năm 2020 và khoảng 208.757 người vào năm 2030.

Bảng 1: Bảng tổng hợp dự báo dân số

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2015	Dự báo Quy hoạch		
			2020	2025	2030
I	Dân số toàn huyện (người)	102.149	125.179	167.517	208.757
	- Tỷ lệ tăng trung bình quân, %/năm	4,15	6	4,5	2
	- Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm (kế hoạch)	1,15	1	1	1
	- Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm; Tỷ lệ tăng do dân số vãng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa (dự báo)	3,00	5	3,5	1
II	Dân số đô thị (người)	11.410	15.633	28.802	49.636
2.1	Tỷ lệ % so toàn huyện	11,17	12,49	17,19	23,78
2.2	- Tỷ lệ tăng trung bình quân, %/năm	6,5	13	11,5	3
	- Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm (kế hoạch)	1,15	1	1	1
	- Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm (dự báo)	3,5	8	7	1
	- Tỷ lệ tăng do dân số vãng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa (dự báo)	1,85	4	3,5	1

Như vậy dân số của thị trấn Châu Thành dự báo:

- Đến năm 2020 là khoảng 15.600 người;

- Đến năm 2030 là khoảng 50.000 người.

4. Dự báo Quy mô đất xây dựng đô thị

Theo QCVN 01: 2008/BXD của Bộ Xây dựng; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

Quy mô sử dụng đất đô thị Châu Thành thực hiện theo tiêu chí đô thị loại V nâng cấp lên đô thị loại IV vào năm 2030. như vậy quy mô đất xây dựng trung tâm như sau:

- Đất xây dựng đến năm 2020 phục vụ cho 15.600 người; khu vực trung tâm 10.000 người, quy mô diện tích khoảng 200ha. Mật độ dân số khu vực trung tâm khoảng 5.000 người /km².

- Đất xây dựng đến năm 2030 phục vụ cho 50.000 người, khu vực trung tâm 22.000 người có quy mô diện tích khoảng 360ha. Mật độ dân số khu vực trung tâm khoảng 6.000 người/km².

5. Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án quy hoạch chung thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành đến năm 2030 theo hướng đề đô thị đạt các tiêu chí của đô thị loại IV.

5.1. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội

Các chỉ tiêu về quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội theo quy định của QCXDVN 01: 2008/BXD, bảng 2.1, Chương II.

Bảng 3: Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hạ tầng xã hội chủ yếu

Loại công trình	Cấp quản lý	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất đai tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1. Giáo dục					
Trường phổ thông trung học, dạy nghề	Đô thị	chỗ/1000người	40	m ² /1 chỗ	15
2. Y tế					
Phòng khám đa khoa	Đô thị	Công trình/đô thị	1	m ² /trạm	3.000
Bệnh viện đa khoa	Đô thị	giường/1000người	4	m ² /giườngbệnh	100
Nhà hộ sinh	Đô thị	giường/1000người	0,5	m ² /giường	30
3. Thể dục thể thao					
Sân thể thao cơ bản	Đô thị			m ² /người ha/công trình	0,6 1,0
Sân vận động	Đô thị			m ² /người ha/công trình	0,8 2,5
Trung tâm TDTT	Đô thị			m ² /người ha/công trình	0,8 3,0
4. Văn hoá					
a. Thư viện	Đô thị			ha/công trình	0,5
b. Bảo tàng	Đô thị			ha/công trình	1,0
c. Triển lãm	Đô thị			ha/công trình	1,0
d. Nhà hát	Đô thị	số chỗ/ 1000người		ha/công trình	1,0
e. Cung văn hoá	Đô thị	số chỗ/ 1000người	8	ha/công trình	0,5
g. Rạp xiếc	Đô thị	số chỗ/ 1000người	3	ha/công trình	0,7
h. Cung thiếu nhi	Đô thị	số chỗ/ 1000người	2	ha/công trình	1,0
5. Chợ					
	Đơn vị ở	công trình/đơn		ha/công trình	0,2
	Đô thị	vị ở			0,8

Các chỉ tiêu đất và công trình về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Áp dụng cho đô thị loại IV.

Stt	Loại đất	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	
			Min	Max
1	Đất dân dụng	m ² /người	61	78
2	Đất công trình công cộng, dịch vụ	m ² /người	3	≥4
3	Cơ sở y tế	giường/1000dân	2,4	≥2,8
4	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Cơ sở	2	≥4
5	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	2	≥4
6	Diện tích đất giao thông	m ² /người	7	≥9
7	Đất cây xanh công cộng nội thị	m ² /người	4	≥5

5.2. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật thị trấn thực hiện theo tiêu chí đô thị loại IV.

Các chỉ tiêu về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định của QCXDVN 01: 2008/BXD, Chương III, IV, V, VI, VII và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

+ Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật

- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, giữ được lớp đất màu, cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.

- Không làm xấu hơn các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn.

- Đối với những khu đô thị hiện có, những khu vực đã có mật độ xây dựng tương đối cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.

- Xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính đô thị; Dự báo khối lượng san nền.

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Đảm bảo 100% đường nội thị phải có hệ thống thoát nước mưa;

- Mật độ đường cống thoát nước chính đảm bảo tiêu chuẩn 3 đến ≥3,5 km/km²

- Đường có chiều rộng ≥ 40m, phải bố trí hệ thống thoát nước mưa hai bên đường.

- Hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy mô đô thị, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn), hiện trạng đô thị.

- Cần tận dụng các hồ ao hiện có hoặc xây dựng mới các hồ điều tiết nước mưa.

+ Quy hoạch hệ thống giao thông

- Mạng lưới giao thông phải được phân cấp rõ ràng;

- Tỷ lệ giao thông so với đất xây dựng 12% đến ≥17%.

- Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥7,5m đảm bảo từ 6 đến ≥8 km/km².

- Hệ thống giao thông đối ngoại khi đi qua đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị.

Bảng 4: Quy định về các loại đường trong đô thị

Cấp đường	Loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Bề rộng 1 làn xe (m)	Bề rộng của đường (m)	Khoảng cách hai đường (m)	Mật độ đường km/km ²
Cấp đô thị	1. Đường cao tốc đô thị				4.800÷8.000	0,4÷0,25
	- Cấp 100	100	3,75	27÷110	-	
	- Cấp 80	80	3,75	27÷90	-	
	2. Đường trục chính đô thị	80÷100	3,75	30÷80	2400÷4000	0,83÷0,5
	3. Đường chính đô thị	80÷100	3,75	30÷70	1200÷2000	1,5÷1,0
Cấp khu vực	4. Đường liên khu vực	60÷80	3,75	30÷50	600÷1000	3,3÷2,0
	5. Đường chính khu vực	50÷60	3,5	22÷35	300÷500	6,5÷4,0
Cấp nội bộ	6. Đường khu vực	40÷50	3,5	16÷25	250÷300	8,0÷6,5
	7. Đường phân khu vực	40	3,5	13÷20	150÷250	13,3÷10
	8. Đường nhóm nhà ở, vào nhà	20÷30	3,0	7÷15	-	-
	9. Đường đi xe đạp		1,5	≥3,0	-	-
	Đường đi bộ		0,75	≥1,5	-	-

+ Quy hoạch hệ thống cấp nước, thoát nước thải, cấp điện

Bảng 5: Tiêu chuẩn cấp nước, thoát nước thải, cấp điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn đến 2020	Giai đoạn đến 2030
1	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	100	≥120
2	Tiêu chuẩn thoát nước thải	Lít/người/ngày	≥80% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	≥80% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt
3	Tiêu chuẩn cấp điện	w/người	330	330
4	Tiêu chuẩn thu gom CTR	kg/người/ngày	0,9	0,9
5	Tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông	Số thuê bao internet/100dân	15	≥20

V. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Là các khu vực được lựa chọn xây dựng đợt đầu bao gồm:

- + Khu trung tâm Hành chính - Chính trị cấp huyện;
- + Khu dân cư, dịch vụ thương mại, chợ hiện hữu;
- + Các khu dân cư trung tâm hành chính thị trấn.

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

Bảng quy hoạch sử dụng đất chi tiết giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT DAI	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ (%)
I	ĐẤT DÂN DỤNG	139,77	73,14
1	Đất ở	70,06	
2	Đất công cộng đô thị (y tế, văn hóa, TDTT, thương mại, dịch vụ)	15,22	
2.1	Đất công trình văn hóa	3,69	
2.2	Đất TDTT	2,01	
2.3	Đất thương mại dịch vụ	9,46	
	Đất chợ (trung tâm thương mại)	1,47	
	Siêu thị mini	0,44	
	Đất thương mại dịch vụ	7,55	
2.4	Y tế hộ sinh	0,06	
3	Đất trường học	10,33	
	Trường mẫu giáo	0,71	
	Trường THPT Thuận Hòa	2,76	
	Trường THCS thị trấn Châu Thành	1,03	
	Trường tiểu học Thuận Hòa	2,34	
	Đất trường học	3,49	
4	Đất cây xanh	10,79	
5	Đất giao thông	33,37	
	Bến xe	0,42	
	Bãi xe	0,13	
	Bến tàu	0,2	
	Đất giao thông	32,62	
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	29,73	15,56
1	Đất trụ sở cơ quan	9,8200	
	Trung tâm hành chính huyện	5,46	
	Trung tâm hành chính thị trấn	0,67	
	Chi cục thuế - Ngân hàng chính sách - Ngân hàng MHB	0,38	
	Kho bạc nhà nước - Bảo hiểm xã hội - Phòng NN&PTNN	0,38	
	Tòa án nhân dân huyện Châu Thành	0,45	
	Viện KS nhân dân- CC Thi hành án - Phòng Thống kê - Bưu điện	0,45	
	Hành chính khu vực	2,03	
2	Đất Trung tâm y tế	4,15	
	Bệnh viện Huyện	2,52	
	Trung tâm y tế thị trấn	1,63	
3	Đất Giáo dục đào tạo	1,81	
	Trường Chính trị	0,85	
	Trường tâm giáo dục dạy nghề	0,42	
	Trường tâm giáo dục thường xuyên	0,54	
4	Đất giao thông đối ngoại	9,64	
5	Đất công trình đầu mối HTKT	0,07	
	Trạm cấp nước	0,07	
6	Đất an ninh - quốc phòng	4,24	
	Huyện đội	3,11	
	Công an huyện	1,13	
III	ĐẤT KHÁC	21,61	11,3
1	Đất mặt nước	8,59	
2	Đất dự trữ phát triển	13,02	
TỔNG CỘNG		191,11	100,00

2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Bảng quy hoạch sử dụng đất chi tiết giai đoạn dài hạn đến năm 2030

STT	THÀNH PHẦN ĐẤT ĐAI	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ (%)
I	ĐẤT DÂN DỤNG	284,23	78,52
1	Đất ở	144,44	
2	Đất công cộng đô thị (y tế, văn hóa, TDTT, thương mại, dịch vụ)	15,56	
2.1	Đất công trình văn hóa	3,69	
2.2	Đất thương mại dịch vụ	9,8	
	Đất chợ - phố thương mại	1,47	
	Siêu thị mini (chợ)	0,44	
	Đất thương mại dịch vụ	7,89	
2.3	Y tế hộ sinh	0,06	
2.4	Đất TDTT	2,01	
3	Đất trường học	15,49	
	Trường mẫu giáo	0,71	
	Trường THPT Thuận Hòa	2,76	
	Trường THCS thị trấn Châu Thành	1,03	
	Trường tiểu học Thuận Hòa	2,34	
	Đất trường học	8,65	
4	Đất cây xanh	59,64	
5	Đất giao thông	49,1	
	Bến xe	0,42	
	Bến tàu	1,04	
	Bãi xe	0,13	
	Đất giao thông	47,51	
II	ĐẤT NGOẠI DÂN DỤNG	38,64	10,67
1	Đất trụ sở cơ quan	9,74	
	Trung tâm hành chính huyện	5,46	
	Trung tâm hành chính thị trấn	0,67	
	Chi cục thuế - Ngân hàng chính sách - Ngân hàng MHB	0,38	
	Kho bạc nhà nước - Bảo hiểm xã hội - Phòng NN&PTNN	0,38	
	Tòa án nhân dân huyện Châu Thành	0,41	
	Viện KS nhân dân- CC Thi hành án - Phòng Thống kê - Bưu điện	0,41	
	Hành chính khu vực	2,03	
2	Đất Trung tâm y tế	4,15	
	Bệnh viện Huyện	2,52	
	Trung tâm y tế thị trấn	1,63	
3	Đất Giáo dục đào tạo	1,81	
	Trường Chính trị	0,85	
	Trường tâm giáo dục dạy nghề	0,42	
	Trường tâm giáo dục thường xuyên	0,54	
4	Đất giao thông đối ngoại	16,53	
5	Đất công trình đầu mối HTKT	2,17	
	Trạm xử lý nước thải	1,94	
	Trạm cấp nước	0,23	
6	Đất an ninh - quốc phòng	4,24	
	Huyện đội	3,11	
	Công an huyện	1,13	
III	ĐẤT KHÁC	39,13	10,81
1	Đất mặt nước	14,98	
2	Đất dự trữ phát triển	24,15	
TỔNG CỘNG		362,00	100,00

VI. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ DÀI HẠN ĐẾN NĂM 2030

Căn cứ vào vai trò chức năng, dự báo phát triển đô thị về các mặt kinh tế xã hội, quy mô dân số và nhu cầu sử dụng đất để mở rộng ranh giới hành chính của đô thị đến năm 2030.

Từ hiện trạng quỹ đất xây dựng, cơ sở vật chất hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của huyện Châu Thành, định hướng mở rộng diện tích đất của thị trấn ra một số khu vực lân cận trong giai đoạn 2020 - 2030 để định hướng phát triển thị trấn Châu Thành đáp ứng các chỉ tiêu đã đề ra.

1. Hướng phát triển đô thị

Định hướng phát triển đô thị giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020 và giai đoạn dài hạn đến năm 2030 theo phương án địa giới hành chính lựa chọn, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, của tỉnh Sóc Trăng.

Đô thị phân thành 03 khu chính:

- Khu phía Đông Bắc kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: Phát triển theo trung tâm hành chính huyện lỵ, trung tâm thương mại dịch vụ và các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư mới;

- Khu phía Tây Nam kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: Phát triển theo các chức năng hành chính hiện hữu và các khu dân cư hiện trạng, khu dân cư mới;

- Khu phía Đông Nam kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: Phát triển theo tuyến giao thông động lực là tuyến đường tỉnh 939B, hình thành thêm các chức năng đô thị, mở rộng đô thị, phát triển dân cư.

Phát triển đô thị đến năm 2030 với diện tích toàn đô thị là địa giới hành chính thị trấn Châu Thành có diện tích là 788,41 ha, trong đó quy mô diện tích khu trung tâm đô thị là 362 ha. Hướng phát triển tập trung về phía Tây Nam, một phần phía Bắc và phía Nam, phát triển thêm diện tích các khu chức năng, sau đó phát triển cho toàn đô thị. Giai đoạn này tiếp tục nâng cấp chất lượng đô thị, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phát triển đô thị bền vững.

Phần diện tích ngoài đất trung tâm sẽ được xác định như đất nông nghiệp hiện hữu bảo tồn và nâng cấp, vùng xanh này góp phần tạo thành một lá phổi cho đô thị, đồng thời cũng là một vùng cảnh quan sinh thái. Đặc biệt khai thác cảnh quan sông rạch và cảnh quan đô thị sông nước đặc thù. Đồng thời vùng đất này cũng được xem là quỹ đất phát triển trung tâm đô thị khi thực sự cần thiết.

Hướng phát triển đô thị dài hạn đến năm 2030 được chia thành 2 tiểu giai đoạn:

- Giai đoạn đến năm 2025 phát triển theo hai hướng: hướng thứ nhất về phía Đông Bắc tuyến Quốc lộ 1 bằng tuyến đường tỉnh 939B kết nối với tuyến đường tỉnh 932C đi về thị trấn Kế Sách và Phụng Hiệp. Đồng thời kết nối với xã An Lạc Thôn theo tuyến đường ĐT939B; hướng thứ 2 về hướng Đông Nam kết nối thành phố Sóc Trăng;

- Giai đoạn đến năm 2030 phát triển theo 2 hướng: hướng thứ 1 về hướng Tây Bắc kết nối đô thị với tuyến Quản lộ Phụng Hiệp; tuyến thứ 2 về hướng Tây Nam kết nối đô thị với thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, thị trấn An Ninh,...bằng tuyến đường 939B, phát triển thêm các khu chức năng, sau đó phát triển cho toàn đô thị. Giai đoạn này tiếp tục nâng cấp chất lượng đô thị, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để phát triển đô thị bền vững.

- Bố trí khu vực dự trữ phát triển đô thị trong tương lai cặp đường tỉnh 939B;
- Bố trí khu trung tâm văn hóa thể thao, hệ thống các trường học xen lẫn giữa các khu dân cư.

2. Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng đô thị:

- Thị trấn Châu Thành phát triển dựa trên cấu trúc giao thông: Trục đường Quốc lộ 1; đường ĐT 939B, đường trung tâm đô thị (đường B5) kết nối trung tâm hành chính đô thị với Quốc lộ 1, đường Thuận Hòa – Phú Tâm (ĐH 94), tuyến đường vành đai và kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng là các tuyến giao thông thủy bộ chính trong hướng phát triển đô thị Châu Thành.

- Công viên VH-TDĐT bố trí trước khu hành chính hướng ra đường B5;

- Các công trình dịch vụ đô thị như: Khu dịch vụ thương mại, bệnh viện, trường học, được bố trí thích hợp trong đô thị với cự ly thích hợp, tiếp cận thuận tiện.

- Vùng cảnh quan sông nước được tổ chức dọc theo kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, kênh Mười Hai, kênh Giồng Cát, công viên kết hợp hồ điều hòa tại 4 hướng của đô thị.

- *Không gian phân bố dân cư đô thị:* Khu dân cư đô thị bao gồm các khu dân cư hiện hữu được chỉnh trang, các khu dân cư hình thành mới tại trung tâm đô thị và các trục chính.

- *Không gian phân bố dân cư nông thôn:* Gồm khu vực dân cư ngoài hệ thống đường vành đai là các cụm tuyến dân cư phát triển dạng dân cư nông thôn được phân bố trong các vùng sản xuất nông nghiệp dọc theo các tuyến giao thông bộ, các tuyến kênh, rạch và khu vực nội đồng.

*** Tổ chức phân khu chức năng đô thị:**

Phân cấp hệ thống trung tâm là khu trung tâm hành chính cấp đô thị và trung tâm hành chính cấp khu vực.

Đối với khu trung tâm đô thị: Xây dựng một cách hiện đại hoàn thiện về hệ thống trung tâm dịch vụ công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống cây xanh công viên vườn hoa và các tiện ích đô thị.

Trung tâm đô thị phải mang tính tập trung, hợp khối công trình, để tiết kiệm đất xây dựng và tạo bộ mặt khang trang, hiện đại đồng bộ cho khu trung tâm đô thị mới. Tổ chức bộ mặt kiến trúc với các điểm nhấn là các công trình chính trong trung tâm. Xây dựng trung tâm thị trấn mang tính chất đô thị trung tâm hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ thương mại, thể dục thể thao, tạo được khu vực trung tâm thực sự gắn với các giá trị cảnh quan cũng như giá trị sử dụng đất, tạo sắc thái riêng cho đô thị.

Trung tâm các khu vực đảm bảo các bán kính phục vụ, đảm bảo phục vụ tốt các yêu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của từng khu vực.

+ *Khu Trung tâm hành chính huyện:* Khu trung tâm hành chính huyện lỵ đã được xây dựng có vị trí phù hợp với quy hoạch được phê duyệt năm 2009. Bao gồm các công trình Huyện ủy, HĐND-UBND huyện trên trục đường B5.

Các công trình hành chính trên trục đường B5 và đường A1:

+ Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm dạy nghề trên trục đường A1 (đối diện khu trung tâm hành chính huyện);

+ Vị trí xây dựng các công trình: Chi cục thuế, ngân hàng chính sách, ngân hàng MHB, Kho bạc, Bảo hiểm xã hội, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn được xác định trên trục đường B5 (cạnh khu trung tâm hành chính huyện);

+ Vị trí xây dựng các công trình: Tòa án nhân dân huyện, Viện kiểm sát Nhân dân, Chi cục thi hành án, phòng Thống kê, Bưu điện xác định tại vị trí trên trục đường B5 (khu vực này được xác định trong đồ án quy hoạch cũ là vị trí xây dựng các công trình thương mại - dịch vụ);

Trụ sở công an huyện đã được xây dựng tại khu vực gần ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai.

Khu trung tâm hành chính thị trấn được xác định trên trục đường A4.

Trung tâm khu vực bố trí ở khu vực phía Tây Nam kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và khu vực phía Đông trên tuyến đường tỉnh 939B, bao gồm hành chính khu vực, khu trường học, khu thương mại dịch vụ.

+ *Khu chợ, thương mại dịch vụ*: Chợ trung tâm của thị trấn là khu chợ hiện hữu kết nối từ Quốc lộ 1 và tiếp giáp với trục đường A4; Khu trung tâm thương mại dịch vụ trên trục đường B5. Ngoài ra còn có các điểm thương mại dịch vụ, siêu thị trên Đường A6 và các khu thương mại dịch vụ phân tán cho từng khu vực.

+ *Khu các công trình đầu mối*: Theo Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012 về định hướng quy hoạch bến bãi thị trấn Châu Thành, bến xe khách Thuận Hòa được xác định và có diện tích là 2.250m². Tuy nhiên trong quá trình điều chỉnh quy hoạch và tình hình quỹ đất xây dựng của địa phương, đề xuất lại vị trí bến xe tại khu vực phía sau trung tâm y tế của huyện trước đây và có quy mô diện tích khoảng 4.200 m², tiếp giáp với đường A6;

- Xác định vị trí bến tàu tại hai khu vực: Khu vực gần ngã 3 kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai, cạnh trung tâm y tế mới của đô thị (theo Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012, vị trí bến tàu được dự kiến trên kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, tuy nhiên khu vực này hiện nay rất khó khăn về đầu nối hạ tầng, do đó đề xuất dịch chuyển vào phía trong trên tuyến kênh Mười Hai, đồng thời sẽ giảm áp lực về điểm xung đột giao thông trên tuyến Quốc lộ 1); Khu vực thứ 2 trên kênh Giồng Cát, phía đầu kênh (từ vị trí phân kênh đã được lấp).

Các công trình trạm xử lý nước thải được bố trí trong 02 công viên phía cuối đường B5 về hướng Đông và hướng Tây, một vị trí trong công viên văn hóa và một vị trí tại rìa phía Tây khu đô thị, trên đường số 16.

Hiện tại thị trấn đã có 2 nhà máy cấp nước tại khu vực phía Tây Bắc của đô thị trên trục đường số 14 và chi nhánh nước sạch & VSMT nông thôn huyện Châu Thành trên trục đường chính B5.

Các điểm trung chuyển rác được bố trí tại nhiều khu vực: Khu vực đường vào chợ trung tâm; khu vực trên trục đường B5; tại các trung tâm khu vực.

+ *Đất y tế*: Khu đất xây dựng bệnh viện huyện được xác định trên đường A1 và B3(B) bên cạnh khu trung tâm hành chính đô thị. Ngoài ra còn xây dựng một trung tâm y tế phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng trên trục đường số 16.

+ *Đất giáo dục*: Hiện nay tại khu vực phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng đã xây dựng các trường tiểu học Thuận Hòa, trường THCS thị trấn Châu Thành, trường THPT Thuận Hòa và một trường mẫu giáo trên đường Thuận Hòa – Phú Tâm. Thị trấn cũng vừa đưa vào hoạt động Trung tâm Giáo dục thường xuyên và trường dạy nghề cạnh trung tâm hành chính huyện, trên trục đường A1.

Ngoài ra còn có các khu đất giáo dục tại các trung tâm khu vực, các điểm dân cư theo quy hoạch.

+ *Đất Quốc phòng*: Huyện đội đã được xây dựng tại phía sau khu trung tâm hành chính huyện, tiếp giáp với đường A1, đường Thuận Hòa – Phú Tâm và đường B3B.

+ *Đất văn hóa, TDTT*: Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao huyện được xác định trên trục đường B5, đối diện khu trung tâm hành chính huyện.

Bố trí các khu công viên cây xanh phân tán ở bốn hướng của đô thị, phía cuối các trục đường B5 và đường A2.

+ *Đất ở*: Đất ở hiện trạng tập trung chủ yếu tại tuyến Quốc lộ 1, tuyến đường B5, đường Thuận Hòa – Phú Tâm, khu vực phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng. Trong thời gian tới dự báo dân cư sẽ phát triển tập trung trên các tuyến đường mới đầu nối từ trục đường chính B5 và tuyến đường tỉnh dự kiến 939B.

- Quy hoạch đối với khu dân cư hiện trạng: Xác định các quỹ đất ở, cơ cấu sử dụng đất đai, mật độ dân số, để có các giải pháp quy hoạch cụ thể cho phù hợp. Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang, xây mới các hạ tầng xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối với khu dân cư quy hoạch mới: Xây dựng đồng bộ các đơn vị ở mới, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được ưu tiên đầu tư xây dựng trước. Nghiên cứu quỹ đất khu ở phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, cảnh quan xung quanh. Tạo lập khu ở đồng bộ, hiện đại trong định hướng phát triển của đô thị.

+ *Khu đất dự trữ phát triển*: Bố trí song song với tuyến đường tỉnh 939B, tạo quỹ đất cần thiết để mở rộng phát triển đô thị trong giai đoạn tới. Đặc biệt ưu tiên phát triển các công trình tài chính, thương mại dịch vụ, văn phòng, văn hóa...

3. Bố cục các trục không gian chính, không gian các khu vực trọng tâm, các tuyến, các điểm nhấn và các điểm nhìn

3.1. Bố cục không gian các tuyến chính của khu quy hoạch

Các tuyến chính của khu quy hoạch gồm một số tuyến như: tuyến Quốc lộ 1, tuyến đường tỉnh 939B, tuyến cảnh quan nối Quốc lộ 1 với trung tâm hành chính huyện (đường B5), tuyến vuông góc với trục đường B5 (đường A4), các tuyến cầu vượt Quốc lộ 1 về phía Tây Nam, trục cảnh quan bờ sông và dãy đất ven các tuyến kênh rạch. Trên các tuyến chính của khu quy hoạch bố trí, thiết kế sinh động, tạo điểm nhấn từ các công trình công cộng, dịch vụ, các khu nhà ở hiện đại. Đặc biệt khai thác triệt để hệ thống cây xanh và hệ thống sông rạch đặc thù.

3.2. Bố cục không gian các khu vực trọng tâm của khu quy hoạch

Đô thị được chia làm 3 khu trung tâm chính:

- Khu trung tâm hành chính: Xác định tại khu trung tâm hành chính huyện hiện tại. Khai thác cảnh quan đường vào khu trung tâm hành chính.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ: Xác định tại trung tâm thương mại dịch vụ ở trục đường B5 và khu chợ hiện hữu.

- Khu trung tâm đô thị mới: Xác định tại quỹ đất đô thị dự trữ phát triển. Bao gồm các chức năng trung tâm mới dự kiến hình thành khi đô thị phát triển như: Trung tâm tài chính, thương mại dịch vụ, văn phòng, giáo dục...

Ngoài ra còn có các trung tâm khu vực. Xác định tại 2 vị trí bao gồm:

+ Trung tâm khu vực phía cuối đường B5, phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng. Chú trọng khai thác cảnh quan tuyến dân cư ven kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, chỉnh trang tuyến dân cư hiện trạng trên đường Ngô Quyền, tạo ra cảnh quan kiến trúc đặc thù ven sông rạch.

+ Trung tâm khu vực phía Đông đô thị, trên tuyến đường tỉnh 939B, là khu vực kết nối với khu trung tâm đô thị mới. Hiện nay nơi này vẫn còn hoang sơ, chưa phát

triển, tuy nhiên trong thời gian tới, với những định hướng quy hoạch và các dự án tác động, sẽ nhanh chóng hình thành khu trung tâm mới và hiện đại của thị trấn.

3.3. Các điểm nhấn và điểm nhìn quan trọng của khu quy hoạch

- Điểm nhấn chính của khu quy hoạch là khu vực công viên Văn hóa – Thể dục thể thao kết hợp trung tâm hành chính đô thị, trục cảnh quan nối khu hành chính và khu thương mại dịch vụ với Quốc lộ 1 (đường B5), trục trung tâm trên đường tỉnh 939B và các tuyến kênh rạch trong đô thị.

- Do đô thị có trục QL1 và tuyến kênh xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng đi qua đô thị, đây cũng là tuyến cảnh quan cần phải có thiết kế tạo điểm nhấn khi đi ngang qua đô thị. Bằng các giải pháp, tạo công viên cây xanh kết hợp vỉa hè, công trình nhỏ, dọc theo tuyến kênh xáng.

- Hệ thống công viên cây xanh, dãy cây xanh ven kênh rạch tạo nên sắc xanh là tông màu chủ đạo của đô thị, là điểm nhấn về không gian tổng thể và hình thành cho đô thị có sức hút, đặc thù.

3.4. Các vùng cửa ngõ đô thị

- Khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc: là hướng đầu nối về thành phố Cần Thơ. Tại vị trí giao lộ giữa tuyến đường Vành đai và tuyến Quốc lộ 1, tổ chức không gian cây xanh dọc theo kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng tạo sự thông thoáng và hình ảnh sông nước đặc trưng. Khu vực này khuyến khích xây dựng các hình thức kiến trúc trang nhã, có điểm nhấn. Nhà ở được xây dựng với hình khối sinh động, sử dụng gam màu sáng, thân thiện. Hướng từ cửa ngõ đi vào đô thị sẽ đến khu vực trung tâm thương mại, chợ và các khu phố chợ sầm uất. Khuyến khích xây dựng các công trình khu vực này theo hướng tuyển chọn phương án để tìm ý tưởng không gian hình khối đẹp, sinh động, mang nét đặc trưng của đô thị và định hướng trục không gian chính về hướng Tây Bắc – Đông Nam.

- Khu vực cửa ngõ phía Đông Nam: là hướng đầu nối về thành phố Sóc Trăng và các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau. Tại vị trí giao lộ giữa tuyến đường A4 và tuyến Quốc lộ 1, tổ chức không gian cây xanh dọc theo kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng tạo sự thông thoáng. Khuyến khích xây dựng các công trình có hình thức kiến trúc hiện đại và năng động.

- Khu vực cửa ngõ phía Tây Nam: là hướng đầu nối về huyện Mỹ Tú. Tại vị trí ngã 3 đường Tỉnh 939B và đường số 14 dọc theo kênh Mười Hai, tổ chức không gian cây xanh dọc theo kênh Mười Hai và khu vực mũi tàu tạo không gian cảnh quan thân thiện và hình ảnh sông nước đặc thù.

- Khu vực cửa ngõ phía Đông Bắc: là hướng đầu nối về An Lạc Thôn. Tại vị trí giao lộ của tuyến đường Vành đai và tuyến đường Tỉnh 939B. Khu vực này khuyến khích xây dựng các hình thức kiến trúc có điểm nhấn. Xây dựng nhà ở với hình khối sinh động, hiện đại.

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Căn cứ quy hoạch phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật phát triển tương ứng. Nội dung cụ thể như sau:

1. Chuẩn bị kỹ thuật xây dựng

1.1. Độ cao nền xây dựng

Tính toán cao độ nền xây dựng đô thị theo QCVN 01:2008/BXD và tham khảo theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn 2050.

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

Cao độ trung bình toàn khu trung tâm hiện nay khoảng +1.130 cao độ Hòn Dấu, hệ tọa độ Quốc gia VN2000.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu trong những năm gần đây, chọn cao độ không chế xây dựng cho đô thị là: **+2,00m** hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu – Hải Phòng).

Khu vực phía Tây Nam kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và phía Đông Bắc khu đô thị theo hiện trạng vẫn còn là vùng đất nông nghiệp, có nền địa hình thấp, ít thuận lợi cho việc xây dựng. Trong nội dung nghiên cứu của đồ án xác định các công viên, hồ đào ở khu vực này để cải thiện vi khí hậu, tạo cảnh quan và bổ xung lượng đất đắp san nền cho đô thị.

*** Giải pháp san nền:**

+ Đối với khu vực đã xây dựng: Từng bước hoàn thiện cao độ xây dựng, nâng dần độ cao nền xây dựng đến độ cao san nền quy hoạch.

+ Đối với khu vực chưa xây dựng: Không chế cao độ xây dựng, tôn nền đến cao độ không chế chung của đô thị. Giải pháp san nền bằng cát lấp, kết hợp đào hồ và tận dụng kênh, rạch tự nhiên để lấy đất; đồng thời, thuận lợi việc tiêu thoát nước và tạo các hồ cảnh quan.

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN LẤP

STT	TÊN Ô	CĐTB (m)	CĐTK (m)	C CAO (m)	DIỆN TÍCH (m ²)	KHỐI LƯỢNG (m ³)
1	A01	0.98	2.00	1.02	102394.66	104442.55
2	A02	1.12	2.00	0.88	49142.86	43245.72
3	A03	1.21	2.00	0.79	117833.25	93088.27
4	A04	1.25	2.00	0.75	24533.98	18400.49
5	A05	0.74	2.00	1.26	22429.42	28261.07
6	A06	1.26	2.00	0.74	32102.69	23755.99
7	A07	1.18	2.00	0.82	17629.98	14456.58
8	A08	1.23	2.00	0.77	49353.75	38002.39
9	A09	1.22	2.00	0.78	14219.53	11091.23
10	A10	1.21	2.00	0.79	26105.30	20623.19
11	A11	1.16	2.00	0.84	108968.27	91533.35
12	A12	1.19	2.00	0.81	41819.75	33874.00
13	A13	1.03	2.00	0.97	75307.45	73048.23
14	A14	0.84	2.00	1.16	54006.34	62647.35
15	A15	0.95	2.00	1.05	24856.73	26099.57
16	A16	1.15	2.00	0.85	43457.74	36939.08
17	A17	1.24	2.00	0.76	36375.86	27645.65
18	A18	1.17	2.00	0.83	36056.52	29926.91
19	A19	0.87	2.00	1.13	15247.83	17230.05
20	A20	1.21	2.00	0.79	17471.23	13802.27
21	A21	1.20	2.00	0.80	41789.88	33431.90
22	A22	1.26	2.00	0.74	60670.62	44896.26
23	A23	1.19	2.00	0.81	39473.63	31973.64
24	A24	1.14	2.00	0.86	101697.83	87460.13
25	A25	1.12	2.00	0.88	110475.53	97218.47
26	A26	1.23	2.00	0.77	125860.55	96912.62
27	A27	1.15	2.00	0.85	62561.26	53177.07
28	A28	1.10	2.00	0.90	42912.00	38620.80
29	A29	1.21	2.00	0.79	35691.29	28196.12
30	A30	1.12	2.00	0.88	49174.75	43273.78
31	A31	0.78	2.00	1.22	66100.87	80643.06

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

STT	TÊN Ô	CĐTB (m)	CĐTK (m)	C CAO (m)	DIỆN TÍCH (m²)	KHỐI LƯỢNG (m³)
32	A32	1.23	2.00	0.77	17479.93	13459.55
33	A33	0.87	2.00	1.13	16548.16	18699.42
34	A34	1.22	2.00	0.78	30269.68	23610.35
35	A35	1.14	2.00	0.86	41363.56	35572.66
36	A36	1.19	2.00	0.81	32332.58	26189.39
37	A37	1.15	2.00	0.85	26924.55	22885.87
38	A38	0.97	2.00	1.03	14551.09	14987.62
39	A39	1.22	2.00	0.78	15242.42	11889.09
40	A40	0.89	2.00	1.11	60039.03	66643.32
41	A41	0.95	2.00	1.05	44561.63	46789.71
42	A42	1.18	2.00	0.82	25624.75	21012.30
43	A43	1.42	2.00	0.58	9586.50	5560.17
44	A44	1.01	2.00	0.99	19392.37	19198.45
45	A45	1.43	2.00	0.57	8608.25	4906.70
46	A46	1.11	2.00	0.89	13529.13	12040.93
47	A47	1.06	2.00	0.94	10527.38	9895.74
48	A48	1.16	2.00	0.84	10966.79	9212.10
49	A49	1.11	2.00	0.89	19696.25	17529.66
50	A50	0.79	2.00	1.21	18865.20	22826.89
51	A51	0.87	2.00	1.13	25055.13	28312.30
52	A52	1.19	2.00	0.81	20193.75	16356.94
53	A53	1.23	2.00	0.77	31927.50	24584.18
54	A54	1.21	2.00	0.79	149350.51	117986.90
55	A55	1.19	2.00	0.81	85291.05	69085.75
56	A56	1.13	2.00	0.87	64032.04	55707.87
57	A57	1.07	2.00	0.93	44196.39	41102.64
58	A58	1.20	2.00	0.80	21908.51	17526.81
59	A59	1.11	2.00	0.89	44234.67	39368.86
60	A60	1.13	2.00	0.87	30963.49	26938.24
61	A61	1.27	2.00	0.73	41079.78	29988.24
62	A62	1.21	2.00	0.79	26817.85	21186.10
63	A63	1.07	2.00	0.93	46915.74	43631.64
64	A64	1.43	2.00	0.57	41079.77	23415.47
65	A65	0.67	2.00	1.33	19424.75	25834.92
66	A66	1.11	2.00	0.89	73943.34	65809.57
67	A67	1.20	2.00	0.80	51328.29	41062.63
68	A68	1.19	2.00	0.81	73789.15	59769.21
69a	A69a	1.26	2.00	0.74	11295.26	8358.49
69b	A69b	1.26	2.00	0.74	7403.06	5478.26
70a	A70a	1.22	2.00	0.78	24163.61	18847.62
70b	A70b	1.22	2.00	0.78	14906.25	11626.88
71	A71	1.04	2.00	0.96	180475.02	173256.02
72	A72	1.27	2.00	0.73	49695.38	36277.63
73	A73	1.35	2.00	0.65	48546.75	31555.39
74	A74	1.31	2.00	0.69	28017.86	19332.32
TỔNG CỘNG					3337865.50	2899228.59

1.2. Thoát nước mưa

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước bản. Xác định hướng thoát và phân chia lưu vực, thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCVN 01: 2008/BXD, QCVN 07-2: 2016/BXD.

- Những yêu cầu chung hệ thống thoát nước mưa cần đạt được:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn về phát triển hạ tầng kỹ thuật. Mạng lưới đường cống được bố trí bám theo các trục giao thông, đồng thời đảm bảo kết nối và tính tự chủ trong đầu tư xây dựng của dự án.

+ Giải quyết được cơ bản tình hình ngập úng của khu vực trong mùa mưa và tình hình ô nhiễm môi trường từ nước thải chảy ra hệ thống cống chung (giữa nước mưa và nước thải), giảm tới mức tối thiểu mức độ ô nhiễm do nước thải tới môi trường.

+ Khai thác tối đa khả năng, các điều kiện thuận lợi của khu vực cho công tác thoát nước như hệ thống sông ngòi, kênh rạch hiện hữu có khả năng thoát nước tự chảy khi triều rút để thoát toàn bộ nước mưa ra kênh rạch.

+ Các vị trí thoát nước chủ yếu thoát ra kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng (03 cửa xả), kênh Giồng Cát (02 cửa xả).

- Khu vực thị trấn hiện nay đã có một số tuyến thoát nước chung cần cải tạo, nạo vét khơi thông dòng chảy tới các điểm xả ra nguồn. Tại các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, sử dụng hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn BTCT. Cống đặt dọc đường chịu tải trọng người và xe máy, đối với cống qua đường chịu tải trọng H30 – HK80, hố ga thu nước sử dụng hố ga BTCT kiểu hàm ếch ngăn mùi, nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Phương pháp tính toán thoát nước mưa: Lưu lượng nước mưa được tính toán theo công thức tính toán cường độ giới hạn với P = 1 năm.

* Lưu lượng tính toán của nước mưa được xác định theo công thức:

$$Q_{tm} = q \times F \times \Psi$$

Trong đó : F: Diện tích lưu vực (ha)

Ψ: Hệ số dòng chảy

q: Cường độ mưa tính toán của khu vực

* Lưu vực thoát nước:

Trên cơ sở đặc điểm địa hình có kênh rạch đi qua thị trấn, xác định 4 lưu vực thoát nước như sau:

- Lưu vực 1 tại khu vực trung tâm góc kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai về hướng Tây Nam, hướng thoát về kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng.

- Lưu vực 2 tại khu vực góc kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai về hướng Tây Bắc, hướng thoát về kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng.

- Lưu vực 3 khu vực phía Đông kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng từ tuyến đường trung tâm đô thị (đường B5) trở về hướng Đông Bắc, hướng thoát về kênh Giồng Cát.

- Lưu vực 4 khu vực phía Đông kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng từ tuyến đường trung tâm đô thị (đường B5) trở về hướng Đông Nam, hướng thoát về kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng.

- Lưu vực 5 tại khu vực từ kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng trở về hướng đông bắc, hướng thoát về kênh Giồng Cát.

+ *Giải pháp quy hoạch:*

Tận dụng triệt để các dòng sông, kênh tiêu trong khu vực cho việc tiêu thoát nước. Tất cả các tuyến cống được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền và theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất. Các hố thu bố trí theo khoảng cách từ 30m đến 60m, độ dốc cống tối thiểu $i = 1/D$.

Đối với các tuyến đường hiện trạng đã có mương thoát, sẽ có giải pháp từng bước thay thế vị trí, kích thước quy mô của hệ thống theo quy hoạch.

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ – HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

STT	TÊN ĐƯỜNG	CÔNG BTCT				HỐ GA (Cái)
		D600mm	D800mm	D1000mm	D1200mm	
1	ĐƯỜNG A1		2416			101
2	ĐƯỜNG A2		990			41
3	ĐƯỜNG A3		463			19
4	ĐƯỜNG A4	670	1562			93
5	ĐƯỜNG A5(B)	445	510			40
6	ĐƯỜNG B1	538	371			38
7	ĐƯỜNG B3(A)				945	39
8	ĐƯỜNG B3(B)	1466	1234			113
9	ĐƯỜNG B5	573	290	1598	1384	160
10	ĐƯỜNG B6	2121				88
11	ĐƯỜNG SỐ 05	326				14
12	ĐƯỜNG SỐ 13	641				27
13	ĐƯỜNG SỐ 15	910	1977	212	84	133
14	ĐƯỜNG SỐ 17	786	305			45
15	ĐƯỜNG SỐ 18	600				25
16	ĐƯỜNG TỈNH 939B	1260				53
17	QUỐC LỘ 1	757	685			60
18	ĐƯỜNG HUYỆN 94	413		152		24
	TỔNG	11506	10803	1962	2413	1113

2. Giao thông

- Kết hợp với mạng lưới giao thông vùng Huyện và vùng Tỉnh, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng; Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và phát triển bền vững. Thiết kế hệ thống giao thông đáp ứng được nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa ngày càng gia tăng, phù hợp với cấu trúc quy hoạch không gian trong các giai đoạn đến 2020 và 2030.

- Do định hướng phát triển của đô thị phát triển mạnh về hướng Đông Bắc và một phần về hướng Tây Nam của trục QL1, đoạn QL1 đi qua đô thị khoảng 1900m, nên việc bố trí tuyến đường tránh QL1 là không khả thi.

- Quy hoạch các tuyến giao thông đầu nối qua kênh Phụng Hiệp – Sóc Trăng rất hạn chế, ngoài cầu hiện trạng, quy hoạch thêm 2 tuyến là tuyến đường tỉnh 939B và tuyến vành đai. Khoảng cách giữa 3 cầu khoảng 1000m và 660m.

- Điều chỉnh lộ giới tuyến đường A2 là phù hợp với định hướng phát triển của địa phương.

- Hệ thống giao thông đường thủy phải tuân thủ Luật giao thông đường thủy nội địa và các nghị định, thông tư hướng dẫn.

- Khuyến cáo giải pháp thiết kế cần có giải pháp ứng phó với việc ngập úng kéo dài và nước ngầm bị nhiễm mặn.

2.1. Công trình đầu mối:

Theo Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012 về định hướng quy hoạch bến bãi thị trấn Châu Thành, bến xe khách Thuận Hòa được xác định và có diện tích là 2.250m². Tuy nhiên trong quá trình điều chỉnh quy hoạch và tình hình quỹ đất xây dựng của địa phương, bến xe được đề xuất lại ở vị trí mới và có quy mô diện tích khoảng 4.200 m².

Bến xe được xác định tại khu vực phía sau trung tâm y tế huyện trước đây, tiếp giáp với đường A6.

Tuy đồ án quy hoạch trước đây có xác định vị trí bến xe, nhưng thực tế hiện nay bến xe của thị trấn vẫn chưa hình thành gây khó khăn về vận tải ở địa phương. Do đó việc xác định và xây dựng bến xe là nhu cầu bức xúc rất cần thiết của đô thị.

Xác định vị trí bến tàu tại hai khu vực: Khu vực gần ngã 3 kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai, cạnh trung tâm y tế mới của đô thị (theo Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012, vị trí bến tàu được dự kiến trên kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, tuy nhiên khu vực này hiện nay rất khó khăn về đấu nối hạ tầng, do đó đề xuất dịch chuyển vào phía trong trên tuyến kênh Mười Hai, đồng thời sẽ giảm áp lực về điểm xung đột giao thông trên tuyến Quốc lộ 1); Khu vực thứ 2 trên kênh Giồng Cát, phía đầu kênh (từ vị trí phân kênh đã được lấp).

Các điểm trung chuyển rác được bố trí tại nhiều khu vực: khu vực đường vào chợ trung tâm; khu vực trên trục đường B5; tại các trung tâm khu vực.

2.2. Giao thông đường thủy

- Theo quy hoạch đường sông đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 của tỉnh Sóc Trăng thì tuyến kênh xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng là kênh cấp IV; Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa như sau:

+ Cầu : Khẩu độ khoang thông thuyền: >25m; chiều cao tính không: 6m.

- Khai thác tối đa lợi thế về đường thủy;

- Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng là tuyến đường thủy đối ngoại quan trọng;

- Kênh Mười Hai, kênh Giồng Cát tạo nên hệ thống đường thủy đa dạng của đô thị.

- Tiến hành nạo vét kênh rạch, đặc biệt là kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, kênh Mười Hai. Đây là các tuyến chính kết nối đô thị với các vùng lân cận.

- Thường xuyên cải tạo kênh rạch để tạo lưu thông dòng nước vừa phục vụ giao thông thủy vừa đáp ứng yêu cầu cảnh quan và thoát nước cho đô thị.

2.3. Giao thông đường bộ:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Quốc lộ 1 có lộ giới 37m (3m x 14m x 8m x 8m x 4m);

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

- + Đường tỉnh 939B có lộ giới 30m (6m x 8m x 2m x 8m x 6m).
- Các tuyến đường đô thị:
 - + Đường trục chính đô thị (đường B5) có lộ giới 26m (5m x 7m x 2m x 7m x 5m);
 - + Đường Thuận Hòa – Phú Tâm (ĐH 94) có lộ giới 10m ÷ 15m;
 - + Đường A4 có lộ giới 30m (4,5m x 8m x 5m x 8m x 4,5m);
 - + Đường B3 (B) có lộ giới 32m (đường nối Quốc lộ 1 vào chợ) và 15m;
 - + Đường B5 có lộ giới 26m (5m x 7m x 2m x 7m x 5m);
 - + Đường B6 có lộ giới 20,5m (4,5m x 11,5m x 4,5m);
 - + Các tuyến đường có lộ giới 16m (4m x 8m x 4m): Đường B1, B2, B3 (A), Đường số 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, đường Ngô Quyền (ĐH 93);
 - + Các tuyến đường có lộ giới 15m (4m x 7m x 4m): Đường A1, A2, A3, A5 (B), A6 (B);
 - + Các tuyến đường có lộ giới 12m (3m x 6m x 3m): Đường B4, đường số 02, 05.

Bảng thống kê hệ thống giao thông dài hạn đến năm 2030

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CÁT	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DÃY PHÂN CÁCH (m)
1	ĐƯỜNG A1	1381,19	4--4	15	7	4+4	-
2	ĐƯỜNG A2	1147,09	4--4	15	7	4+4	-
3	ĐƯỜNG A3	1211,01	4--4	15	7	4+4	-
4	ĐƯỜNG A4	2132,27	3--3	30	8+8	4,5+4,5	5
5	ĐƯỜNG A5	1274,62	4--4	15	7	4+4	-
6	ĐƯỜNG A6	1629,64	4--4	15	7	4+4	-
7	ĐƯỜNG B1	1268,33	5--5	16	8	4+4	-
8	ĐƯỜNG B2	1134,22	5--5	16	8	4+4	-
9	ĐƯỜNG B3(A)	1288,61	5--5	16	8	4+4	-
10	ĐƯỜNG B3(B)	223,19	2--2	32	6+6	3+3	14
		1595,52	4--4	15	7	4+4	-
11	ĐƯỜNG B4	399,03	6--6	12	6	3+3	-
12	ĐƯỜNG B5	1935,47	1--1	26	7+7	5+5	2
13	ĐƯỜNG B6	1602,21	9--9	20,5	11,5	5+5	-
14	ĐƯỜNG SỐ 02	398,32	6--6	12	6	3+3	-
15	ĐƯỜNG SỐ 05	399,03	6--6	12	6	3+3	-
16	ĐƯỜNG SỐ 12	213,71	5--5	16	8	4+4	-
17	ĐƯỜNG SỐ 13	677,46	5--5	16	8	4+4	-
18	ĐƯỜNG SỐ 14	778,78	5--5	16	8	4+4	-
19	ĐƯỜNG SỐ 15	1646,43	5--5	16	8	4+4	-
20	ĐƯỜNG SỐ 16	1334,46	5--5	16	8	4+4	-
21	ĐƯỜNG SỐ 17	990,76	5--5	16	8	4+4	-
22	ĐƯỜNG SỐ 18	707,27	5--5	16	8	4+4	-
23	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM (ĐH 94)	224	7--7	10	6	2+2	-
		1118,82	7'--7'	15	8	3,5+3,5	-

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CÁT	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DÃY PHÂN CÁCH (m)
24	ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN (ĐH 93)	1128,75	5--5	16	8	4+4	-
25	QUỐC LỘ 1	1904,8	B-B	37	14+8	3+4	8
26	ĐƯỜNG TỈNH 939B	1313,04	8--8	30	8+8	6+6	2
27	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI	3540,35	8--8	30	8+8	6+6	2

3. Cấp nước sạch

3.1. Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước sạch

- Xác định nhu cầu dùng nước:

Số người sử dụng nước sinh hoạt trong khu vực quy hoạch dự tính đến năm 2030: 50.000 người.

Nhu cầu và tỷ lệ cấp nước sinh hoạt tối thiểu là:

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô		Chỉ tiêu (m3)	Tỷ lệ đạt	Nhu cầu (m3/ngđ)	
		Đến 2020	Đến 2030			Đến 2020	Đến 2030
1	Nước dùng cho sinh hoạt	24.000	50.000	0,12	100%	2.280	6.000
2	Nước dùng cho công cộng và dịch vụ				10%	228	600
3	Nước dùng cho tưới cây rửa đường				8%	182	480
	Cộng					2.690	7.080
4	Nước rò rỉ, dự phòng				20%	538	1.416
5	Nước dùng cho bản thân trạm				4%	108	283
	Tổng cộng (làm tròn)					3.336	8.779

Công suất tính toán **8.779 m³/ngày**. Chọn công suất thiết kế **9.000 m³/ngày**.

- Nguồn nước: Nguồn cung cấp nước là nguồn nước ngầm khai thác từ các giếng khoan có độ sâu từ 140m÷180m.

Từ công suất được tính toán theo nhu cầu của đô thị đến năm 2030 là 9.000 m³/ngày. Dự kiến bố trí Nhà máy nước cấp nước cho đô thị như sau:

+ Phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: nâng cấp công suất nhà máy nước hiện hữu phục vụ cho khu vực được nâng cấp công suất Q = 3.000m³/ngày lên công suất Q= 4.500m³/ngày.

+ Phía Đông kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng: Nhà máy nước hiện hữu phục vụ cho khu vực được nâng cấp với công suất Q = 4.500m³/ngày.

3.2. Mạng lưới truyền tải và cung cấp của hệ thống cấp nước:

- Sử dụng ống nhựa HDPE, UPVC đạt tiêu chuẩn ISO 4427-2007(E) làm ống cấp nước chính.

- Ống cấp nước được lắp đặt trên vỉa hè cách chỉ giới đường đỏ từ 0,75÷ 1,5m tùy theo từng tuyến đường cụ thể.

- Độ sâu chôn ống trung bình là 0,8m tính từ đỉnh ống.

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ – HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DÀI HẠN

STT	TÊN ĐƯỜNG	ỐNG HDPE DN (M)				TRỤ CỨU HỎA (BỘ)
		Ø:100mm	Ø:150mm	Ø:200mm	Ø:250mm	
1	ĐƯỜNG A1	512	1336			15
2	ĐƯỜNG A2	1018	486		541	17
3	ĐƯỜNG A3	1440				12
4	ĐƯỜNG A4	351	1587	1053		25
5	ĐƯỜNG A5(B)	811	1633			20
6	ĐƯỜNG A6(B)	2457				20
7	ĐƯỜNG B1	1414				12
8	ĐƯỜNG B2	305				3
9	ĐƯỜNG B3(A)			820		7
10	ĐƯỜNG B3(B)	1115	877			17
11	ĐƯỜNG B4	706				6
12	ĐƯỜNG B5	780			1466	19
13	ĐƯỜNG B6	1371				11
14	ĐƯỜNG SỐ 02	310				3
15	ĐƯỜNG SỐ 05	701				6
16	ĐƯỜNG SỐ 15		576		645	10
17	ĐƯỜNG SỐ 16	311				3
18	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM (ĐH 94)	385	556			8
19	QUỐC LỘ 1				1822	15
20	ĐƯỜNG TỈNH 939B	1473	1585		1822	41
TỔNG		15460	8636	1873	6296	270

4. Cấp điện

4.1. Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp điện

+ Nguồn cấp điện:

Dùng nguồn điện quốc gia qua trạm 110/22KV – 20MVA Sóc Trăng. Từ trạm này có các phát tuyến 22KV từ Sóc Trăng đi huyện Châu Thành cấp điện cho khu vực lập quy hoạch, các tuyến điện trung thế này có các thiết bị bảo vệ như LA và FCO để đảm bảo cấp điện an toàn và liên tục.

+ Nhu cầu cấp điện:

HTKT Đô thị như sau : Áp dụng cho đô thị loại IV.

STT	Loại phụ tải điện	Qui mô		Chỉ tiêu (KW/người)		Công suất (KW)	
		2020	2030	2020	2030	2020	2030
1	Cấp điện sinh hoạt	15.600	50.000	0,33	0,33	5.148	16.500
2	Cấp điện công cộng			30%	30%	1.544	4.950
	Tổng công suất					6.692	21.450

4.2. Lưới điện trung thế 22KV

- Lưới điện trung thế 22KV có chiều dài là : 7.596,05 Mét.

- Điểm đầu nối : Trụ trung thế thuộc tuyến trung thế 03 pha dọc Quốc lộ 1A.

- Tiếp đất lặp lại : Lưới điện 22KV là loại 3 pha 4 dây có trung tính trực tiếp nối đất, cứ khoảng 3 khoảng trụ có 1 vị trí trụ được tiếp đất lặp lại, hệ thống tiếp đất bao gồm dây đồng trần có tiết diện 25mm² và cọc đất dài 2.4m được mạ sắt tráng kẽm.

4.3. Vị trí, quy mô, công suất các trạm biến áp

*** Trạm biến thế 22/0.4KV**

- Qui cách máy biến thế được chọn theo QĐ 1094/EVN-ĐL2.4 ngày 10/05/2005 của ĐL2.

- Công suất của máy biến thế phải phù hợp với tình hình thực tế của khu vực cung cấp điện. Trạm biến thế được treo trên cột.

- Tỷ số biến áp : 22/0.4KV.

- Bán kính phục vụ : Từ 0.4Km – 0.6Km.

- Bảo vệ quá điện áp nội bộ sơ cấp MBT và hiện tượng sét đánh lan truyền từ đường dây vào trạm bằng 3 chống sét van 18KV.

- Bảo vệ quá dòng điện sơ cấp bằng 3 FCO 24KV.

- Bảo vệ phía thứ cấp bằng 1 MCCB 3 pha với dòng điện thích hợp với công suất trạm.

- Tiếp địa tại trạm cho chống sét, vỏ máy biến thế, trung tính nhị thứ, vỏ tủ điện hạ thế... bằng hệ thống cọc tiếp đất Fe/Cu D16x2400mm. Dây tiếp địa là dây đồng trần có tiết diện tối thiểu là 25mm² được luồn trong các ống PVC D21 ốp dọc thân trụ.

- Dây dẫn từ đường dây 22KV xuống MBT là dây đồng bọc 24KV – 25mm².

- Dây dẫn hạ thế bằng 3 dây pha, mỗi dây bằng cáp đồng bọc 600V–có tiết diện tương ứng với công suất của MBT, dây trung hòa dùng dây đồng bọc có tiết diện không nhỏ hơn nữa dây pha. Các dây này được đi trong ống PVC D114.

- Đo ghi gián tiếp hạ thế bằng điện kế 3 pha 4W-380/220V-5A qua biến dòng 600V hạ thế có dòng điện thích hợp. Đo ghi trực tiếp cho hệ thống đèn đường bằng điện kế 01 pha 4W – 220V – 40(120)A.

* Trạm hạ thế:

TRẠM TBA	
+ Công suất mỗi trạm	1000
+ Phụ tải công cộng + dự phòng (30%)	300
+ Tổng công suất cần cấp cho khu vực (KVA)	1300
+ Hệ số đồng thời	0.8
+ Công suất cần	1040
=> Chọn trạm (KVA)	1000

Tổng công suất là 9438kw, bố trí 10 trạm hạ thế, mỗi trạm có công suất 1000kVA. Quy hoạch các trí đặt trạm như sau:

+ 4 Trạm TBA-1000kVA - Dây CXV-1KV 3x50+1X35+ABC3x25: Trên trục đường B5.

+ 1 Trạm TBA-1000kVA - Dây CXV-1KV 3x50+1X35+ABC3x25: Trên trục đường B3 (B).

+ 1 Trạm TBA-1000kVA - Dây CXV-1KV 3x50+1X35+ABC3x25: Trên trục đường số 15.

+ 2 Trạm TBA-1000kVA - Dây CXV-1KV 3x50+1X35+ABC3x25: Trên trục đường Thuận Hòa – Phú Tâm.

+ 2 Trạm TBA-1000 kVA - Dây CXV-1KV 3x50+1X35+ABC3x25: Trên trục đường tỉnh 939B.

4.4. Mạng lưới truyền tải điện

- Lưới điện trung thế 22KV

- Điểm đầu nối: Trụ trung thế thuộc tuyến trung thế 03 dọc tuyến Quốc lộ 1.
 - Dây dẫn: Sử dụng dây CXV/DSTA-24KV có tiết diện từ 3x95+1x70mm² luồn trong ống HDPE D90 chôn ngầm trong đất.

- Trụ đầu nối đầu tuyến : Sử dụng trụ BTLT 16m, chiều sâu chôn trụ từ 1.8-2m.

- Đà đỡ sứ: Dùng đà sắt L75x75x8 kết hợp với thanh chống. Đà được làm từ sắt CT3 mạ kẽm nhúng nóng.

- Sứ cách điện: Dùng loại sứ đứng 24KV đỡ dây pha và dùng sứ treo Polymer 24KV để néo dây pha, sử dụng sứ ống chỉ để đỡ dây trung hòa.

- Móng trụ : là loại móng 2 đà cản BTCT 1.5m hoặc gia cố bằng móng bê tông có cừ tràm cho những vị trí trụ không thể neo được.

- Tiếp đất lặp lại : Lưới điện 22KV là loại 3 pha 4 dây có trung tính trực tiếp nối đất, cứ khoảng 3 khoảng trụ có 1 vị trí trụ được tiếp đất lặp lại, hệ thống tiếp đất bao gồm dây đồng trần có tiết diện 25mm² và cọc đất dài 2.4m được mạ sắt tráng kẽm.

- Đường dây hạ thế hỗn hợp

- Tuyến điện hạ thế có chiều dài : 51.095 m. Điện áp : 380/220V.

- Đường dây hạ thế đèn đường chiếu sáng:

Nguồn cung cấp điện cho hệ thống chiếu sáng đèn đường dọc theo các tuyến đường là dùng chung MBT đã có sẵn để tránh tình trạng các tuyến đường dây hạ thế riêng biệt đi trên cùng một trụ, gây khó khăn cho công tác sửa chữa lưới điện khi trạm bị sự cố.

- Hệ thống chiếu sáng được theo dõi độc lập bằng một điện kế riêng biệt, hệ thống điều khiển đóng mở đèn tự động bằng Timer relay kết hợp với Contactor.

- Tổng chiều dài đường dây hạ thế CSCC trên không : 25.547 m

- Tổng chiều dài đường dây hạ thế CSCC ngầm : 5.644 m

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ CẤP ĐIỆN GIAI ĐOẠN DÀI HẠN

STT	TÊN ĐƯỜNG	Đường dây trung thế nối (m)	Đường dây hạ thế nối (m)	Đường dây chiếu sáng trên không (m)	Đường dây chiếu sáng ngầm (m)	Trụ đèn (trụ)	Trạm phân phối TBA-560KVA
1	ĐƯỜNG A1		1835.2	917.60		46	
2	ĐƯỜNG A2		2294.2	1147.10	1147.09	57	
3	ĐƯỜNG A3		2022.05	1011.03		51	
4	ĐƯỜNG A4		4264.55	2132.28		107	
5	ĐƯỜNG A5(B)		2549.25	1274.63		64	
6	ĐƯỜNG A6(B)		1629.65	814.83		41	
7	ĐƯỜNG B1		2536.65	1268.33		63	
8	ĐƯỜNG B2		2268.45	1134.23		57	
9	ĐƯỜNG B3(A)		1688.6	844.30		42	
10	ĐƯỜNG B3(B)		3237.4	1618.70		81	1
11	ĐƯỜNG B4		798.05	399.03		20	

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

STT	TÊN ĐƯỜNG	Đường đây trung thể nổi (m)	Đường dây hạ thế nổi (m)	Đường dây chiếu sáng trên không (m)	Đường đây chiếu sáng ngầm (m)	Trụ đèn (trụ)	Trạm phân phối TBA- 560KVA
12	ĐƯỜNG B5	1686.98	3870.95	1935.48	1935.47	97	4
13	ĐƯỜNG B6		3204.4	1602.20		80	
14	ĐƯỜNG SỐ 02		796.65	398.33		20	
15	ĐƯỜNG SỐ 05		798.05	399.03		20	
16	ĐƯỜNG SỐ 12		427.4	213.70		11	
17	ĐƯỜNG SỐ 13		877.45	438.73		22	
18	ĐƯỜNG SỐ 14		778.78	389.39		19	
19	ĐƯỜNG SỐ 15		1646.45	823.23		41	1
20	ĐƯỜNG SỐ 16	840.09	1334.45	667.23		33	
21	ĐƯỜNG SỐ 17		2364.28	1182.14		59	
22	ĐƯỜNG SỐ 18		1007.25	503.63		25	
23	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM (ĐH 94)	1104.21	1642.8	821.40		41	2
24	ĐƯỜNG NGŨ QUYỀN (ĐH 93)		1128.75	564.38		28	
25	QUỐC LỘ 1	2380.72	1904.8	952.40	1905	48	
26	ĐƯỜNG TỈNH 939B	1584.05	1313.04	656.52	656.5	33	2
TỔNG		7596,05	48219,55	24109,78	5644,06	1205	10

5. Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn

5.1. Tính toán tổng lượng nước thải

a) Hiện trạng thoát nước thải sinh hoạt

- Hệ thống thoát nước thải của khu vực chưa có, nước thải chủ yếu được thoát chung với nước mưa thoát ra các ao, kênh rạch, sông ngòi quanh nhà gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyến giao thông chính trong khu vực quy hoạch là chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh.

b) Giải pháp quy hoạch

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015; Quyết định số 783/QĐHC-CTUBND ngày 15/8/2013.

- Sử dụng mô hình xử lý nước thải phi tập trung cho đô thị.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và thông qua các trạm xử lý nước thải dự kiến của từng khu vực để xử lý trước khi thoát vào hệ thống thoát mưa và chảy ra sông ngòi.

- Trong giai đoạn trước mắt, khi các trạm xử lý nước thải khu vực chưa được xây dựng thì phải xử lý các giải pháp sau:

+ Xử lý nước thải phi tập trung tại chỗ: Đối với các hộ thoát nước riêng lẻ với tổng lượng nước thải dưới 50m³/ngày.đêm.

+ Xử lý nước thải phi tập trung theo cụm: Thường áp dụng đối với từng khu với tổng lượng nước thải từ 50m³/ng.đ – 200m³/ng.đ. vị trí đặt trạm xử lý tại vị trí riêng biệt, thuận lợi để thu gom nước thải.

5.2. Vị trí, quy mô, công suất các trạm xử lý nước thải:

STT	Đối tượng thoát nước	Tiêu chuẩn cấp nước		Tỷ lệ đạt	Nhu cầu (m ³ /ngày)	
		Đến 2020	Đến 2030		Đến 2020	Đến 2030
1	Thu gom nước thải sinh hoạt	2.280	6.000	80%	1.824	4.800
2	Thu gom nước thải công cộng dịch vụ	228	600	80%	182	480
	Cộng (làm tròn)				2.006	5.280

- Quy mô đất xây dựng trạm tối đa là: 0,2ha/1000m³ngày.

- Quy hoạch lưu vực thoát nước: chia làm 4 lưu vực thoát nước, áp dụng mô hình xử lý nước thải phi tập trung.

+ Lưu vực 1: Thuộc phía Tây Nam ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng và kênh mười hai. Nước thải được thu gom về tại ngã giao của trục 13 với trục 12 sau đó sẽ về trạm xử lý đặt tại công viên cây xanh có quy mô 1000m³.ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

+ Lưu vực 2: Thuộc phía Tây Bắc ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng và kênh mười hai. Nước thải được thu gom về trục đường 16 sau đó sẽ về trạm xử lý đặt tại khu vực giao của trục đường 16 và trục đường dự kiến có quy mô 700m³.ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

+ Lưu vực 3: Thuộc phía Đông Nam ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng và kênh mười hai. Nước thải được thu gom về trục đường B5 sau đó sẽ về trạm xử lý đặt tại công viên cây xanh góc công viên có quy mô 2.000m³.ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

+ Lưu vực 4: Thuộc phía Đông Bắc ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp – Sóc Trăng và kênh mười hai. Nước thải được thu gom về trục đường B2 sau đó sẽ về trạm xử lý đặt tại công viên cây xanh phía cuối đường 700m³.ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

Sử dụng trạm bơm chuyển tiếp để tăng áp cho hệ thống thoát nước thải. Vị trí các trạm bơm này sẽ đặt ngay trên hè phố và xác định trên bản vẽ quy hoạch. Khoảng cách bình quân trên cơ sở tính toán độ dốc mặt đường là 400m.

Nước thải sau khi xử lý xả ra nguồn phải đạt TCVN 7222-2002.

5.3. Mạng lưới đường ống thoát nước thải:

Hệ thống công thoát nước thải trong khu quy hoạch được xây mới hoàn toàn.

Công thoát nước thải được thiết kế trên cơ sở lưu lượng nước thải cần xử lý lớn nhất: $Q_{max} = Q_{TB} \times K_c$.

Lưu lượng tính toán của nước thải sinh hoạt được tính bằng tiêu chuẩn thải nước dự kiến bằng 80% lưu lượng cấp cho nhu cầu sinh hoạt của đô thị.

$$Q = (Q_{sh1} + Q_{sh2}) \times 80\% = 6.600 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 80\% = 5.280 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Mạng lưới sử dụng cống BTCT (hoặc ống HDPE) có đường kính D300 đến D500. Hệ thống cống thoát nước bản đường phố tập trung nước bản về trạm xử lý nước bản.

- Nước bản sau trạm xử lý được xử lý đến chất lượng loại A của QCVN 40: 2011/BTNMT và được xả vào hệ thống thoát nước mưa nhằm kiểm tra và giám sát môi trường trước khi đổ vào kênh rạch.

Độ dốc cống lấy theo độ dốc tối thiểu bằng 1/D (D: đường kính ống).

Cống thoát nước được sử dụng là ống HDPE.

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ – HT THOÁT NƯỚC BẮN DÀI HẠN

STT	TÊN ĐƯỜNG	CÔNG BÊ TỔNG CỐT THÉP (M)			HỐ GA (Cái)
		D300mm	D400mm	D500mm	
1	ĐƯỜNG A1	980	1087		86
2	ĐƯỜNG A2	813	1081	72	82
3	ĐƯỜNG A3	1367			57
4	ĐƯỜNG A4	2261	1157		142
5	ĐƯỜNG A5(B)	1787	470		94
6	ĐƯỜNG A6(B)	2911			121
7	ĐƯỜNG B1	907			38
8	ĐƯỜNG B2	1550	107		69
9	ĐƯỜNG B3(A)	280	1150		60
10	ĐƯỜNG B3(B)	2031	1331		140
11	ĐƯỜNG B4	727			30
12	ĐƯỜNG B5	1040	2466		146
13	ĐƯỜNG B6	2849			119
14	ĐƯỜNG SỐ 05	707			29
15	ĐƯỜNG SỐ 12	498			21
16	ĐƯỜNG SỐ 13	811			34
17	ĐƯỜNG SỐ 14	705			29
18	ĐƯỜNG SỐ 15	810	2197		125
19	ĐƯỜNG SỐ 16	671	116	471	52
20	ĐƯỜNG SỐ 17	1045			44
21	ĐƯỜNG SỐ 18	1358			57
22	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM (ĐH 94)	1417			59
23	ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN (ĐH 93)	980			41
24	QUỐC LỘ 1	1449	81		64
25	ĐƯỜNG TỈNH 939B	2481	441		122
	TỔNG	32435	11684	543	1861

6. Thông tin liên lạc

6.1. Nhu cầu

Hệ thống thông tin liên lạc của thị trấn đã hình thành tương đối ổn định, đủ khả năng đáp ứng cho quy mô hiện tại của đô thị. Tuy nhiên chủ yếu vẫn phụ thuộc vào hệ thống đường cáp điện theo các trục giao thông hiện trạng. Trong giai đoạn phát triển đô thị sắp tới, phải xây dựng mới và chỉnh trang lại hệ thống thông tin liên lạc theo định hướng phát triển giao thông và phải được ngầm hóa với quy mô phù hợp với quy mô phát triển dài hạn của đô thị.

Chỉ tiêu số thuê bao internet đối với đô thị loại IV, có số dân 50.000 dân.

20 số thuê bao internet/100 dân vậy tổng số thuê bao internet là: $50.000 \times 20 / 100 = 10.000$ số thuê bao.

6.2. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc được quy hoạch lại cho hợp lý. Hệ thống cáp Bưu điện, cáp quang phải được ngầm hóa và đặt trên vỉa hè.

Các trạm tiếp sóng Viễn thông hạn chế đặt trong các khu vực trung tâm và không ảnh hưởng mỹ quan đô thị.

Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế mới với tiêu chí ngầm hóa trên toàn bộ tuyến đường trong khu quy hoạch. Sử dụng tuyến 2 ống và 4 ống PVC F110 đi ngầm

Thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

trên vỉa hè, chôn sâu cách mặt nền hoàn thiện 1m. Thiết kế bể đan 2 tầng ống kích thước 2 nắp đan là 1,2m x 1m, khoảng cách trung bình giữa hai bể đan là 60m.

Lắp đặt tủ cáp viễn thông dọc theo tuyến cống bể để đấu nối và quản lý đường cáp ngầm, khoảng cách trung bình giữa hai tủ là 500m. Hệ thống cáp đồng và cáp quang viễn thông đi trong tuyến ống PVC F110 cấp tính hiệu viễn thông đến khách hàng trong khu vực quy hoạch.

Hệ thống thông tin liên lạc trên toàn bộ tuyến đường được công ty Viễn thông Sóc Trăng đấu nối và quản lý về kỹ thuật cũng như trong quá trình vận hành.

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ – HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC DÀI HẠN

STT	TÊN ĐƯỜNG	Tuyến ống uPVC ø114mm, 2 ống/ tuyến (m)	Cáp quang viễn thông (m)	Bể thăm 2 nắp (cái)
1	ĐƯỜNG A1	1835.20	1835.20	31
2	ĐƯỜNG A2	2294.20	2294.20	38
3	ĐƯỜNG A3	2022.05	2022.05	34
4	ĐƯỜNG A4	4264.55	4264.55	71
5	ĐƯỜNG A5(B)	2549.25	2549.25	42
6	ĐƯỜNG A6(B)	1629.65	1629.65	27
7	ĐƯỜNG B1	2536.65	2536.65	42
8	ĐƯỜNG B2	2268.45	2268.45	38
9	ĐƯỜNG B3(A)	1688.60	1688.60	28
10	ĐƯỜNG B3(B)	3237.40	3237.40	54
11	ĐƯỜNG B4	798.05	798.05	13
12	ĐƯỜNG B5	3870.95	3870.95	65
13	ĐƯỜNG B6	3204.40	3204.40	53
14	ĐƯỜNG SỐ 02	796.65	796.65	13
15	ĐƯỜNG SỐ 05	798.05	798.05	13
16	ĐƯỜNG SỐ 12	427.40	427.40	7
17	ĐƯỜNG SỐ 13	877.45	877.45	15
18	ĐƯỜNG SỐ 14	778.78	778.78	13
19	ĐƯỜNG SỐ 15	1646.45	1646.45	27
20	ĐƯỜNG SỐ 16	1334.45	1334.45	22
21	ĐƯỜNG SỐ 17	2364.28	2364.28	39
22	ĐƯỜNG SỐ 18	1007.25	1007.25	17
23	Đ. THUẬN HÒA PHÚ TÂM (ĐH 94)	1642.80	1642.80	27
24	ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN (ĐH 93)	1128.75	1128.75	19
25	QUỐC LỘ 1	1904.80	1904.80	32
26	ĐƯỜNG TỈNH 939B	1313.04	1313.04	22
TỔNG		48219,55	48219,55	802

7. Xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

7.1. Tổng lượng rác thải

Nhu cầu thu gom chất thải rắn của đô thị đến năm 2030, dân số là 50.000 dân

Loại đô thị	Lượng chất thải rắn phát sinh (Kg/người, ngày)	Tỷ lệ thu gom CTR (%)
IV	0,9	≥90

Tổng lượng chất thải rắn phát sinh: $0,9 \times 50.000 = 45.000\text{kg}$.

Tổng lượng CTR thu gom: $90\% \times 40.500 = 40.500\text{kg} \approx 40,5\text{tấn}$.

Với tổng khối lượng CTR thu gom khoảng 40,5 tấn < 100 tấn.

7.2. Vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn

Hiện nay huyện đã có quy hoạch khu vực bãi rác nằm về phía Tây thị trấn trên tuyến Tỉnh lộ 939B và tuyến kênh Mười Hai thuộc ấp Trà Quýt B, gần kênh Cống 1.

7.3. Quy hoạch nghĩa trang

Hiện nay huyện đã có quy hoạch khu vực nghĩa trang nằm về phía Tây thị trấn trên tuyến Tỉnh lộ 939B và tuyến kênh Mười Hai thuộc ấp Trà Quýt B, cách trung tâm thị trấn khoảng 2,5km.

VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ NGẮN HẠN ĐẾN NĂM 2020

Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020 của thị trấn Châu Thành có diện tích 191,11ha. Đô thị được phát triển chủ yếu trong phạm vi khu vực có dân cư hiện trạng hiện nay, nằm ở phía Đông Bắc Quốc lộ 1. Giai đoạn 1 chủ yếu phát triển trên quỹ đất dọc theo tuyến đường chính vào trung tâm hành chính huyện và từng bước xây dựng các khu: trung tâm hành chính thị trấn, khu thương mại dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, công viên, khu vực dân cư...

Trong giai đoạn này đô thị sẽ được phát triển dựa trên hệ thống hạ tầng xã hội hiện trạng như trung tâm hành chính huyện, trung tâm thương mại – dịch vụ, một số công trình về giáo dục, y tế, văn hóa,... Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tập trung phát triển hệ thống giao thông hiện trạng như tuyến đường chính vào trung tâm huyện, các tuyến đường liên kết từ trục chính đến các khu dân cư mới... Ngoài ra còn có các tuyến giao thông theo định hướng đến năm 2020 tầm nhìn 2050 của tỉnh như đường tỉnh 939B, 932...

Các phân khu chính trong giai đoạn ngắn hạn như sau:

+ *Khu Trung tâm hành chính huyện*: Khu trung tâm hành chính huyện lỵ đã được xây dựng có vị trí phù hợp với quy hoạch được phê duyệt năm 2009. Bao gồm các công trình Huyện ủy, HĐND-UBND huyện trên trục đường B5.

Các công trình hành chính trên trục đường B5 và đường A1:

+ Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm dạy nghề trên trục đường A1 (đối diện khu trung tâm hành chính huyện);

+ Vị trí xây dựng các công trình: Chi cục thuế, ngân hàng chính sách, ngân hàng MHB, Kho bạc, Bảo hiểm xã hội, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn được xác định trên trục đường B5 (cạnh khu trung tâm hành chính huyện);

+ Vị trí xây dựng các công trình: Tòa án nhân dân huyện, Viện kiểm sát Nhân dân, Chi cục thi hành án, phòng Thống kê, Bưu điện xác định tại vị trí trên trục đường B5 (khu vực này được xác định trong đồ án quy hoạch cũ là vị trí xây dựng các công trình thương mại - dịch vụ);

Trụ sở công an huyện đã được xây dựng tại khu vực gần ngã ba kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai.

Khu trung tâm hành chính thị trấn được xác định trên trục đường A4.

Trung tâm khu vực bố trí ở khu vực phía Tây Nam kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, bao gồm hành chính khu vực, khu trường học, khu dịch vụ.

+ *Khu chợ, thương mại dịch vụ*: Chợ trung tâm của thị trấn là khu chợ hiện hữu kết nối từ Quốc lộ 1 và tiếp giáp với trục đường A4; Khu trung tâm thương mại dịch vụ trên trục đường B5. Ngoài ra còn có các điểm thương mại dịch vụ trên tuyến Quốc lộ 1 (là vị trí cũ của khu trung tâm hành chính thị trấn, trung tâm y tế huyện) và các khu thương mại dịch vụ phân tán cho từng khu vực.

+ *Khu các công trình đầu mối*: Theo Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012 về định hướng quy hoạch bến bãi thị trấn Châu Thành, bến xe khách Thuận Hòa được xác định và có diện tích là 2.250m². Tuy nhiên trong quá trình điều chỉnh quy hoạch và tình hình quỹ đất xây dựng của địa phương, đề xuất lại vị trí bến xe tại khu vực phía sau khu đất thương mại (trước đây là trung tâm y tế của huyện) và có quy mô diện tích khoảng 3.200 m², tiếp giáp với đường B3;

- Xác định vị trí bến tàu tại khu vực gần ngã 3 kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng và kênh Mười Hai, cạnh trung tâm y tế mới của đô thị (theo Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012, vị trí bến tàu được dự kiến trên kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, tuy nhiên khu vực này hiện nay rất khó khăn về đầu nối hạ tầng, do đó đề xuất dịch chuyển vào phía trong trên tuyến kênh Mười Hai, đồng thời sẽ giảm áp lực về điểm xung đột giao thông trên tuyến Quốc lộ 1).

Công trình trạm xử lý nước thải được bố trí trong công viên phía cuối đường B5 về hướng Đông.

Hiện nay trên trục đường B5 đã có một trạm cấp nước sạch, trong giai đoạn ngắn hạn sẽ nâng cấp công suất của trạm để đáp ứng nhu cầu cho đô thị.

Các điểm trung chuyển rác được bố trí tại nhiều khu vực: khu vực đường vào chợ trung tâm; khu vực trên trục đường B5; tại các trung tâm khu vực.

+ *Đất y tế*: Khu đất xây dựng bệnh viện huyện được xác định trên đường A1 bên cạnh khu trung tâm hành chính đô thị. Ngoài ra còn xây dựng một trung tâm y tế phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng trên trục đường số 16, kết nối với kênh Mười Hai.

+ *Đất giáo dục*: Bao gồm các điểm trường học hiện trạng như trường tiểu học, THCS, trường mầm non phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng; trường mẫu giáo trên đường Thuận Hòa – Phú Tâm.

Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm dạy nghề xác định trên trục đường A1.

Ngoài ra còn có các khu đất giáo dục tại các trung tâm khu vực, các điểm dân cư theo quy hoạch.

+ *Đất Quốc phòng*: Huyện đội đã được xây dựng tại phía sau khu trung tâm hành chính huyện, tiếp giáp với đường A1, đường Thuận Hòa – Phú Tâm và đường B3.

+ *Đất công viên, cây xanh, TDTT*: Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao huyện được xác định trên trục đường B5, đối diện khu trung tâm hành chính huyện.

+ *Đất ở*: Đất ở hiện trạng tập trung chủ yếu tại tuyến Quốc lộ 1, tuyến đường B5, đường Thuận Hòa – Phú Tâm, khu vực phía Tây kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng. Trong thời gian tới dự báo dân cư sẽ phát triển tập trung trên các tuyến đường mới đầu nối từ trục đường chính B5 và tuyến đường tỉnh dự kiến 939B.

- Quy hoạch đối với khu dân cư hiện trạng: Xác định các quỹ đất ở, cơ cấu sử dụng đất đai, mật độ dân số, để có các giải pháp quy hoạch cụ thể cho phù hợp. Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang, xây mới các hạ tầng xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối với khu dân cư quy hoạch mới: Xây dựng đồng bộ các đơn vị ở mới, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được ưu tiên đầu tư xây dựng trước. Nghiên cứu quỹ đất khu ở phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, cảnh quan xung quanh. Tạo lập khu ở đồng bộ, hiện đại trong định hướng phát triển của đô thị.

IX. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

1. Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị

1.1. Xác định khu vực dân cư hiện hữu; khu vực dự kiến phát triển mới; khu vực cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo; khu vực bảo tồn và khu vực đặc thù.

Khu vực dân cư hiện hữu, đặc biệt là khu dân cư ven Quốc lộ 1, khu dân cư trên tuyến đường B5, đường Thuận Hòa – Phú Tâm, đường Ngô Quyền cần được quản lý chặt chẽ về xây dựng và bảo vệ không gian kiến trúc cảnh quan. Đối với các khu vực dân cư mới trên các tuyến phố của đô thị phải được xác định phạm vi xây dựng, không chế chiều cao, màu sắc, hình khối công trình...

1.2. Định hướng về hình ảnh đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực.

Trung tâm đô thị đã được xác định tại khu vực trung tâm hành chính huyện lỵ hiện hữu, hướng ra trục đường chính đô thị. Khu vực này là bộ mặt chính của thị trấn. Trung tâm thương mại dịch vụ xác định tại tuyến đường B5 và khu vực chợ trên trục đường A4, cần được thiết kế xây dựng các công trình kiến trúc hiện đại và tổ chức không gian chặt chẽ. Tùy theo tính chất các khu trung tâm để quản lý kiến trúc cảnh quan cho khu vực và cho tổng thể đô thị.

2. Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, điểm nhấn đô thị

2.1. Định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm chính.

- Khu trung tâm hành chính huyện lỵ hướng ra trục đường trung tâm B5 kết nối với công viên Văn hóa – Thể dục thể thao phía trước tạo thành khoảng không gian trung tâm của đô thị. Khu vực này khuyến khích kiến trúc nhẹ nhàng, hướng đến công trình kiến trúc xanh, sử dụng hình khối kỷ hà có thể kết hợp vật liệu hiện đại như lam nhôm, tấm alumin..., phía dưới kết hợp giàn hoa, cây xanh làm tăng vẻ sinh động cho công trình cũng như làm tăng giá trị mỹ quan. Kết nối hài hòa giữa các công trình với khu công viên, từng bước xây dựng không gian đi bộ, cảnh quan hòa quyện với thiên nhiên.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ được thiết kế với không gian thoáng đãng. Công trình được thiết kế với hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp với vật liệu địa phương hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và phù hợp với chức năng hoạt động của công trình. Đây là những công trình kiến trúc quan trọng nhằm tạo ra khu trung tâm sinh động mang tính địa phương, hình thành nên một khu vực năng động, đặc thù. Sử dụng những vật liệu sáng kết hợp với vài điểm nhấn, thích hợp với khí hậu nhiệt đới.

- Khu trung tâm đô thị mới được xác định tại quỹ đất đô thị dự trữ phát triển. Bao gồm các chức năng trung tâm mới dự kiến hình thành khi đô thị phát triển như: Trung tâm tài chính, thương mại dịch vụ, văn phòng, giáo dục... Khu vực này khuyến khích hình thức các công trình kiến trúc có hình khối hiện đại, mang bộ mặt đổi mới và phát triển, có không gian mở và hòa quyện với thiên nhiên, các công trình mang dấu ấn kiến trúc của đô thị.

- Các trung tâm khu vực được tổ chức không gian phù hợp cho từng khu vực theo hình thức cấu trúc không gian mở, gần gũi, thân thiện với khu dân cư, màu sắc công trình sinh động, hiện đại.

2.2. Định hướng tổ chức không gian khu vực cửa ngõ đô thị về không gian kiến trúc cảnh quan, xác định vị trí và diễn họa ý tưởng hình khối các công trình điểm nhấn theo các hướng, tuyến giao thông chính hướng vào trong đô thị.

- Khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc: là hướng đầu nối về thành phố Cần Thơ. Tại vị trí giao lộ giữa tuyến đường Vành đai và tuyến Quốc lộ 1, tổ chức không gian cây xanh dọc theo kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng tạo sự thông thoáng và hình ảnh sông nước đặc trưng. Khu vực này khuyến khích xây dựng các hình thức kiến trúc trang nhã, có điểm nhấn. Nhà ở được xây dựng với hình khối sinh động, sử dụng gam màu sáng, thân thiện. Hướng từ cửa ngõ đi vào đô thị sẽ đến khu vực trung tâm thương mại, chợ và các khu phố chợ sầm uất. Khuyến khích xây dựng các công trình khu vực này theo hướng tuyển chọn phương án để tìm ý tưởng không gian hình khối đẹp, sinh động, mang nét đặc trưng của đô thị và định hướng trục không gian chính về hướng Tây Bắc – Đông Nam.

- Khu vực cửa ngõ phía Đông Nam: là hướng đầu nối về thành phố Sóc Trăng và các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau. Tại vị trí giao lộ giữa tuyến đường A4 và tuyến Quốc lộ 1, tổ chức không gian cây xanh dọc theo kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng tạo sự thông thoáng. Khuyến khích xây dựng các công trình có hình thức kiến trúc hiện đại và năng động.

- Khu vực cửa ngõ phía Tây Nam: là hướng đầu nối về huyện Mỹ Tú. Tại vị trí ngã 3 đường Tỉnh 939B và đường số 14 dọc theo kênh Mười Hai, tổ chức không gian cây xanh dọc theo kênh Mười Hai và khu vực mũi tàu tạo không gian cảnh quan thân thiện và hình ảnh sông nước đặc thù.

- Khu vực cửa ngõ phía Đông Bắc: là hướng đầu nối về An Lạc Thôn. Tại vị trí giao lộ của tuyến đường Vành đai và tuyến đường Tỉnh 939B. Khu vực này khuyến khích xây dựng các hình thức kiến trúc có điểm nhấn. Xây dựng nhà ở với hình khối sinh động, hiện đại.

3. Tổ chức các trục không gian chính

3.1. Đề xuất các trục chính đặc trưng khu vực đô thị.

- Trục đường Quốc lộ 1 và kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng là trục trung tâm chính, đối ngoại và kết nối đô thị với các vùng lân cận.

- Trục đường B5 kết nối từ Quốc lộ 1 vào trung tâm hành chính khu vực, đồng thời cũng là khu trung tâm thương mại mới của đô thị.

- Trục đường A4 kết nối chợ trung tâm với trục đường B5, trung tâm hành chính thị trấn và các khu dân cư.

- Trục đường tỉnh 939B kết nối đô thị theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, hình thành khu đô thị mới khang trang, hiện đại.

- Trục vành đai tạo không gian giới hạn cho đô thị.

- Các trục cảnh quan sông nước đặc thù.

3.2. Đề xuất bảo tồn, khai thác cảnh quan thiên nhiên hiện hữu về địa hình, cây xanh, sông hồ, mặt nước, bổ sung thiết kế cảnh quan nhân tạo.

- Ngoài khu vực dân cư ven các kênh rạch đang tồn tại được chỉnh trang, các khu vực ven mặt nước được thiết kế cảnh quan công viên bờ sông. Tại các vị trí tiếp cận bến bãi, đề xuất xây dựng kè tạo không gian sạch đẹp và phát triển bền vững cho đô thị.

4. Tổ chức không gian quảng trường

Sử dụng công viên Văn hóa – Thể dục thể thao trước trung tâm hành chính huyện lỵ như một quảng trường cây xanh. Tổ chức không gian đi bộ cho khu vực này kết hợp tạo điểm nhấn từ các chủ đề trong công viên quảng trường như: không gian nghệ thuật, không gian văn hóa địa phương, không gian nghỉ ngơi giải trí, không gian tiến hành lễ hội...

Các công trình xây dựng xung quanh quảng trường cây xanh phải đảm bảo các yêu cầu về chiều cao tương ứng, hình khối kiến trúc nhẹ nhàng, màu sắc tươi sáng, hài hòa với tổng thể khu vực trung tâm. Khuyến khích công trình kết hợp với giàn hoa, cây xanh làm tăng vẻ sinh động cũng như làm tăng giá trị mỹ quan cho khu vực.

5. Tổ chức không gian tại các điểm nhấn đô thị

Các điểm nhấn chính của đô thị bao gồm khu vực trung tâm hành chính huyện lỵ, trục đô thị B5, trục Quốc lộ 1, trục đường A4, các khu vực cửa ngõ đô thị và các trục cảnh quan bờ sông. Mỗi khu vực điểm nhấn cần xác định công trình cụ thể hoặc cảnh quan thiên nhiên để xác định ý tưởng chủ đề. Khuyến khích tổ chức thi tuyển phương án để lựa chọn giải pháp tổ chức cảnh quan tốt nhất cho từng khu vực.

6. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước

Hệ thống đất nông nghiệp bao bọc lấy đô thị tạo nên sắc xanh là tông màu chủ đạo của đô thị. Hệ thống công viên cây xanh được bố trí chan hòa trong từng khu vực đô thị tạo thành các không gian xanh hợp lý tôn thêm vẻ đẹp cảnh quan của từng khu vực và phục vụ cho dân cư đô thị nghỉ ngơi, giải trí, cải tạo vi khí hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Cảnh quan sông rạch đặc thù được kết hợp với công viên hai bờ tạo thành nơi lý tưởng để tổ chức cảnh quan, tôn vinh vẻ đẹp của vùng sông nước và bảo vệ môi trường. Kè chắn các khu vực bến bãi tạo không gian sạch đẹp và phát triển bền vững cho đô thị.

X. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

1. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo chiến lược phát triển chung của tỉnh Sóc Trăng, một số khu vực trọng điểm sẽ phát triển thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Việc **Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030** sẽ làm thay đổi bộ mặt khu vực. Bên cạnh đó, phải kể đến các tác động tiêu cực đến môi trường do sự phát triển đô thị gây ra. Do vậy, việc thực hiện đánh giá sơ bộ các tác động đến môi trường do các hoạt động của dự án ngay từ giai đoạn thiết kế quy hoạch là hết sức cần thiết.

Việc đánh giá chiến lược các tác động đến môi trường của quy hoạch xây dựng bao gồm các tác động tích cực và tiêu cực, trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài của dự án quy hoạch phát triển đối với môi trường vật lý (không khí, nước, đất, chất thải rắn, tiếng ồn...v.v), đối với tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên nước – nguồn nước, tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật – động vật và thực vật), đối với môi trường kinh tế - xã hội, sức khỏe cộng đồng, hoạt động kinh tế của khu vực.

Nghiên cứu xây dựng đề xuất các biện pháp tổng hợp, trước hết là các biện pháp quy hoạch và xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật, để hạn chế mức thấp nhất những ảnh

hưởng bất lợi và tìm các phương án tối ưu, vừa hạn chế tác động có hại đồng thời phát huy cao nhất các lợi ích của dự án. Xây dựng chương trình kiểm soát và quan trắc môi trường trong giai đoạn xây dựng và phát triển của khu vực.

1.2. Mục tiêu tổng quát của đánh giá tác động môi trường chiến lược

Đánh giá tác động đối với quy hoạch chung xây dựng thị trấn nhằm:

Cung cấp thông tin về hiện trạng môi trường khu vực; dự báo và đánh giá những tác động của đồ án; đề xuất hoàn thiện các giải pháp thiết kế quy hoạch, và kiến nghị các biện pháp bảo vệ môi trường.

Xác lập cơ sở lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) phân khu, chi tiết; lập kế hoạch quản lý và giám sát tác động môi trường trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Căn cứ lập đánh giá tác động môi trường

- Luật bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua 2005;

- Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/1/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng.

- Các tiêu chuẩn của Nhà nước Việt Nam về môi trường.

1.4. Phạm vi và giới hạn đánh giá tác động môi trường

Là đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn do đó phạm vi đánh giá tác động môi trường ở đây sẽ bao gồm môi trường trong khu vực quy hoạch chung và môi trường khu vực xung quanh (chủ yếu là nguồn nước sông suối đi qua đô thị, môi trường không khí khu vực vành đai do sự phát tán bụi và khí ô nhiễm).

1.5. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Một báo cáo ĐTM có thể sử dụng một phương pháp hoặc tổng hợp nhiều phương pháp để đánh giá. Tuy nhiên, ở giai đoạn quy hoạch, báo cáo ĐTM chỉ dừng lại ở mức “xem xét sơ bộ các tác động môi trường” của dự án. Từ báo cáo này, các cấp có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định về sự cần thiết của một báo cáo ĐTM chi tiết. Nhằm đáp ứng yêu cầu này, phương pháp danh mục các điều kiện môi trường (checklist method) là phù hợp hơn cả. Tuy nhiên, trong thực tế quá trình thực hiện báo cáo, nhiều phương pháp đã được sử dụng, như phương pháp phỏng đoán, dựa vào kinh nghiệm của chuyên gia chuyên ngành...

2. Đánh giá hiện trạng môi trường của khu vực quy hoạch

2.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí:

Khu vực nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch là trên phạm vi toàn thị trấn Châu Thành, ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp xã Phú Tâm;
- + Phía Đông Nam giáp xã Phú Tân;
- + Phía Tây Bắc giáp xã Hồ Đắc Kiện;
- + Phía Tây Nam giáp xã Thuận Hòa.

Phạm vi ranh giới khu vực trung tâm thị trấn Châu Thành có diện tích 362 ha.

b. Địa hình:

Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ +0,3m đến +1,2m. Địa chất của huyện được hình thành bởi các tầng địa chất chủ yếu là trầm tích mới. Độ sâu từ 0 - 20m phổ biến là đất sét pha thịt có độ dẻo cao và mềm chịu lực kém. Độ sâu từ 20 - 21 m là đất sét có độ dẻo trung bình và thấp, chịu lực tốt.

Huyện có hướng dốc chính nghiêng từ Đông Nam sang Tây Bắc, với 1/3 diện tích đất nằm ở vùng tương đối cao, tập trung ở các xã Phú Tân, Phú Tâm, An Hiệp và An Ninh. Phần diện tích còn lại nằm ở vùng trung bình đến thấp tập trung ở các xã Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ và một phần ở các xã Phú Tâm, Phú Tân, Thuận Hoà, An Hiệp, An Ninh và thị trấn Châu Thành.

c. Khí tượng:

Đặc điểm chính về khí hậu thời tiết của huyện Châu Thành như sau:

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm 26,80°C; nhiệt độ bình quân cao nhất 31,10°C; nhiệt độ bình quân thấp nhất 23,80°C.

Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm 1840mm, phân bố theo mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài 7 tháng (tháng 5 đến tháng 11).

Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 83,4%, mùa mưa độ ẩm cao có thể đạt tới 88%, các tháng có độ ẩm thấp trung bình 77,3%.

Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2372 giờ, các tháng có số giờ nắng cao từ tháng 3 đến tháng 9 trung bình đạt 260 giờ/tháng (cao nhất vào tháng 5), các tháng có số giờ nắng thấp từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau trung bình 120-130 giờ/tháng (thấp nhất vào tháng 12).

Gió: Hướng gió thịnh hành là gió Đông từ tháng 11 đến tháng 4; gió Đông Nam tháng 5; gió Tây tháng 6 đến tháng 9; gió Tây Nam tháng 10. Tốc độ gió trung bình năm là 3,9m/s, trung bình tháng lớn nhất là 4,9m/s, trung bình tháng nhỏ nhất là 3,1m/s.

d. Thủy văn:

Huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ bán nhật triều biển Đông, chảy vào huyện theo hai hướng chính: Hướng từ sông Hậu chảy qua các kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, kênh 30/4 và các kênh thủy lợi; Hướng từ sông Mỹ Thanh đổ vào qua sông Nhu Gia theo kênh Phụng Hiệp – Sóc Trăng bị ngăn chặn, chủ động bởi các cống ngăn mặn, điều tiết nước. Nên được chia làm 2 vùng như sau:

Vùng 1: Từ QL1A về hướng đông bắc đến Kê Sách và Long Phú, chịu ảnh hưởng trực tiếp của triều biển Đông thông qua sông Hậu, các kênh rạch ở Kê Sách và thông qua 2 trục kênh chính của vùng là kênh 30/4 và kênh An Mỹ-30/4, kênh; với biên độ triều trung bình từ 0,5 - 1m, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Vùng 2: Từ QL1A đến phía Tây Nam giáp huyện Mỹ Tú, kênh Tân Lập và sông Nhu Gia, chịu ảnh hưởng của triều biển Đông thông qua kênh Quản lộ Phụng Hiệp, và chịu ảnh hưởng của triều sông Nhu Gia thông qua các cống điều tiết nước ở dọc theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, sông Nhu Gia; có biên độ triều từ 0,5 - 0,7m, hay bị ngập úng ở phía Bắc gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

2.2. Môi trường không khí

Các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân như: đun nấu bằng dầu, than, củi, trấu, gas... cũng là các nguồn gây ô nhiễm không khí với các chất ô nhiễm như: CO, NO₂, SO₂, bụi than, THC,... Bên cạnh đó, vấn đề xả phân, rác bừa bãi trực tiếp xuống kênh rạch, mương, hoặc thải ra vùng đất trũng gây tù đọng nước thải, sinh ra mùi hôi thối khó chịu và là nguồn ô nhiễm vi sinh có khả năng gây ra các dịch bệnh nguy hiểm.

Các dấu hiệu tác động tiêu cực đến môi trường như vấn đề: xử lý rác thải, khí thải, tiếng ồn, an ninh trật tự cảnh quan..., nước mặt và nước mưa được tích trữ trong các sông, kênh, mương cung cấp nguồn nước tưới, tiêu trực tiếp phục vụ sản xuất.

Khu vực chưa có hệ thống giao thông hoàn chỉnh. lầy lội về mùa mưa và bụi nhiều về mùa khô. Nồng độ bụi đạt mức cao hơn tại các khu vực đông dân cư.

Nhìn chung khu vực quy hoạch chưa có dấu hiệu đặc biệt về vấn đề ô nhiễm môi trường. Các yếu tố môi trường và khí hậu như bụi, tiếng ồn, nhiệt độ, độ ẩm không khí, tốc độ gió chưa bị ô nhiễm đáng kể, nồng độ các chất ô nhiễm không khí: SO₂, CO, NO₂, THC, chì... đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép. Vấn đề ô nhiễm bụi và tiếng ồn là do ảnh hưởng của các phương tiện lưu thông và chất lượng đường sá kém.

2.3. Môi trường đất

Do nền kinh tế còn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp nên ngoài các trục đường chính đã hình thành dân cư như hiện nay, phần đất còn lại chủ yếu là đất nông nghiệp, đất vườn tạp.

Rác thải bừa bãi trên mặt đất cũng gây ô nhiễm môi trường đất, đặc biệt là ô nhiễm vi sinh, tuy nhiên, mức độ ô nhiễm không cao.

2.4. Hiện trạng cấp thoát nước

a) Cấp nước: Hiện tại có 2 nhà máy cấp nước tại khu vực phía Tây Bắc của đô thị và chi nhánh nước sạch & VSMT nông thôn huyện Châu Thành trên trục đường chính vào trung tâm huyện. Trong giai đoạn phát triển đô thị sắp tới sẽ xây mới và nâng cấp công suất để đáp ứng yêu cầu.

b) Thoát nước: Hệ thống thoát nước đang được đầu tư trên một số tuyến chính, khu vực còn lại hiện nay từ các khu dân cư rải rác tự chảy ra ruộng mương và thoát ra sông, rạch.

c) Thoát nước bản: Đô thị chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải sinh hoạt thoát ra kênh mương theo hệ thống thoát nước mưa và địa hình tự nhiên.

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân thoát trực tiếp ra các kênh rạch.

2.5. Hiện trạng rác thải, nghĩa trang

a) Thu gom và xử lý chất thải rắn

Hiện nay huyện đã có quy hoạch khu vực bãi rác nằm về phía Tây thị trấn trên tuyến Tỉnh lộ 939B và tuyến kênh Mười Hai thuộc ấp Trà Quýt B, gần kênh Cống 1.

b) Nghĩa trang

Hiện nay huyện đã có quy hoạch khu vực nghĩa trang nằm về phía Tây thị trấn trên tuyến Tỉnh lộ 939B và tuyến kênh Mười Hai thuộc ấp Trà Quýt B, cách trung tâm thị trấn khoảng 2,5km.

3. Đánh giá tác động của triển khai quy hoạch tới môi trường

3.1. Tóm tắt các tác động triển khai đồ án quy hoạch

Khi thị trấn Châu Thành xây dựng và phát triển sẽ xuất hiện các khu chức năng phục vụ cho mọi hoạt động của đô thị này. Kèm theo mỗi khu chức năng là các hoạt động thương mại – dịch vụ đa dạng và việc tăng dân số tự nhiên, tăng cơ học sẽ dẫn đến 2 nhóm vấn đề ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như sau:

- Sức ép bởi các chất thải ngày càng nhiều (chất thải rắn, khí thải, khí hậu tại các khu công cộng, phương án giao thông, nước sinh hoạt và nước thải, tiếng ồn...). Lượng chất thải tác động sẽ ảnh hưởng mạnh đến môi trường nước ngầm, nước mặt, không khí, đất...

- Các vấn đề về giao thông, cảnh quan đô thị... và các tác động xấu khác từ các hoạt động xây dựng kiến tạo đô thị. Việc này luôn xảy ra ở thời kỳ xây dựng đợt đầu. Việc xây dựng đồng loạt của các khu công trường xây dựng có thể làm cho môi trường thị trấn bị ô nhiễm nặng mà chủ yếu là khói bụi và tiếng ồn.

- Đối với 2 vấn đề trên, việc cụ thể đặt ra là cho các nhà quản lý là: Hạn chế tận gốc các nguồn thải và cần có cơ chế chế tài nghiêm khắc đối với các hoạt động vệ sinh môi trường. Để thực hiện được 2 vấn đề này rất cần một cơ chế thuận lợi, chế tài nghiêm khắc, đội ngũ quản lý môi trường có chuyên môn sâu, khoa học gắn với cơ quan thực thi pháp luật, hình thành các quy định chế tài có tính đặc thù cho đô thị và phù hợp với Luật bảo vệ môi trường.

3.2. Tóm tắt các tác động đến môi trường trước quá trình xây dựng đô thị

Tác động xảy ra trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và san nền chủ yếu tập trung vào vấn đề thay đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch mới và đền bù GPMB.

Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: việc thay đổi quy hoạch sử dụng đất là hoạt động lớn nhất của dự án đến môi trường đặc biệt là môi trường kinh tế - xã hội. Tuy nhiên đây là một hiện tượng tất yếu của quá trình đô thị hóa, giai đoạn này xảy ra trong quá trình xây dựng các đô thị và phải được gắn liền với quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động của các địa phương. Mặt khác đối với động lực và tính chất phát triển mới dự báo đến năm 2030 thị trấn Châu Thành có dân số đến 50.000 người.

Thay đổi hệ số sinh thái: Một phần hệ sinh thái nông nghiệp sang hệ sinh thái đô thị, phổ biến và không có các loài động, thực vật nào quý hiếm nằm trong sách đỏ cần được bảo vệ. Do vậy việc thay đổi hệ sinh thái là chấp nhận được và không có ảnh hưởng xấu.

Thay đổi bề mặt phủ: Một phần diện tích đất được bê tông hóa do quá trình xây dựng các công trình do vậy mà làm giảm đi bề mặt đất. Do đó có thể dẫn đến hiện tượng ngập úng khi có mưa to. Vì vậy trong giai đoạn thiết kế phải quan tâm đến hệ thống tưới tiêu thoát nước và san nền tiêu thủy.

Một số tác động khác mang tính xã hội cần phải được nhận thấy trước đó là việc phản ứng của người dân đối với các công tác cải tạo và nâng cấp này. Nhiều khả năng tại một số khu vực sẽ có các phản ứng tiêu cực của người dân (không đồng ý giá đền bù, không chịu di dời giải toả hoặc tiên hành chậm chạp...) và như vậy sẽ gây ra các ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường do công việc không được triển khai đồng bộ.

Nhìn chung tất cả các tác động kể trên đều sẽ ở mức độ trung bình. Tuy nhiên các tác động sẽ là ngắn hạn vì thời gian chuẩn bị không lâu, và sẽ được cải thiện đáng kể nếu được tổ chức và quản lý tốt.

3.3. Tóm tắt các tác động đến môi trường trong quá trình xây dựng đô thị

- Ô nhiễm do bụi đất, đá, các tác động trực tiếp lên người công nhân thi công tại công trường và tới môi trường khu vực xung quanh (dân cư, giao thông, vận tải...)

- Ô nhiễm do tiếng ồn, rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy móc thiết bị thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do chất thải phát sinh từ các hoạt động của người thi công trên công trường và hoạt động của các thiết bị máy móc thi công (nước thải, dầu mỡ...).

- Ô nhiễm do nhiệt: từ quá trình thi công có gia nhiệt như đất nóng bitum, nhiệt phát sinh từ các máy móc thiết bị thi công, nhất là trong điều kiện thi công mùa hè nóng nực. Tác động nhiệt này chủ yếu là đối với người công nhân trực tiếp thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do khí thải: Từ các phương tiện vận tải, đào đất, san ủi... Loại ô nhiễm này có tác động phân tán tới khu vực dân cư xung quanh.

- Vấn đề an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nổ tại công trường: thi công với các vật nặng, trên cao, vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị, nguyên vật liệu, sử dụng điện, xăng dầu phục vụ thi công có nguy cơ gây ra tai nạn lao động và cháy nổ.

- Một tác động quan trọng cũng phải nhìn nhận thấy trước đó là các tác động liên quan đến chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng trong suốt quá trình thi công, có thể kể ra như: quản lý giao thông đi lại và vấn đề kẹt xe, bệnh nghề nghiệp hay tai nạn lao động (cho cả công nhân thi công và người dân), tác động lên sức khỏe cộng đồng liên quan đến tình trạng mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt thường ngày (do nhà cửa đang phá hay sửa chữa tạm, hệ thống cấp nước tạm ngưng việc cung cấp ước để sửa chữa, lắp đặt mới...). Một vấn đề đặc biệt lưu ý nữa là ảnh hưởng đến công ăn việc làm và đời sống kinh tế của người dân.

Mặc dù có tác động xấu đã nêu trên nhưng giai đoạn thi công thường liên hoàn theo khu vực. Vì vậy các tác động này có thể được giới hạn trong phạm vi cho phép và có tính chất tác động tạm thời. Các tác động này sẽ mất đi khi công trình đi vào khai thác sử dụng.

3.4. Tóm tắt các tác động đến môi trường khi đi vào khai thác sử dụng hoàn chỉnh

Việc Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành là rất quan trọng trong công cuộc phát triển KTXH của Huyện và Tỉnh, trên cơ sở các tiềm năng động lực và cơ hội hiện có, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành bổ sung tính chất phát triển và nâng cao vị thế của đô thị trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Khi quy hoạch được thực hiện sẽ thay đổi cơ bản hệ thống HTKT lên tương đương đô thị loại IV. Giải quyết nhu cầu lớn về hệ thống hạ tầng dịch vụ với trọng tâm là các cơ sở kinh tế và các khu đô thị mới. Từ đó làm tăng nhanh chóng các luồng nhập cư, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị.

Tuy nhiên khi thực hiện các dự án xây dựng thị trấn cũng sẽ có những tác động đến môi trường. Những vấn đề này cần phải được nhận dạng và quan tâm giải quyết ngay từ giai đoạn lập phương án phát triển, quy hoạch phân khu, chi tiết, thiết kế khả thi, giai đoạn thi công xây dựng cho đến giai đoạn vận hành, quản lý đô thị sau này. Có như vậy mới có thể đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững của đô thị và vùng lân cận.

Các tác động chủ yếu hoạt động của dự án ĐTXD đối với các thành phần môi trường tại khu vực triển khai dự án được liên kê trong bảng sau:

Hoạt động của QHXD	Các thành phần môi trường bị tác động							
	Đất	Nước mặt	Nước ngầm	Không khí	Chất thải rắn	Tiến ồn	Di tích LS, CTVH	Cây xanh, mặt nước
Thay đổi sử dụng đất	ĐK	TB	KĐK	K	K	K	KĐK	TB
Phát triển dân cư	ĐK	ĐK	KĐK	KĐK	ĐK	KĐK	KĐK	TC
Phát triển giao thông	TB	TB	KĐK	ĐK	TB	ĐK	TC	TB
Phát triển TMDV	KĐK	TB	TB	TB	TB	TB	TC	KĐK
Phát triển nhà ở	ĐK	ĐK	KĐK	KĐK	ĐK	TB	TB	TC
Phát triển trường học, nhà trẻ, TT y tế, CTVH	TB	TB	TB	KĐK	ĐK	TB	TC	TB
Phát triển HT cấp nước	KĐK	TC	KĐK	KĐK	TB	KĐK	TC	KĐK
Phát triển HT thoát nước và xử lý nước	KĐK	ĐK	KĐK	KĐK	KĐK	KĐK	TC	KĐK

- Ghi chú:
- + Tác động tích cực : TC
 - + Tác động tiêu cực: KĐK
 - + ĐK: tác động tiêu cực ở mức đáng kể.
 - + TB - tác động tiêu cực ở mức trung bình.
 - + K- không gây tác động.

Các tác động môi trường của các hoạt động xây dựng trong bảng trên được đánh giá bằng ý kiến của các chuyên gia và kinh nghiệm thực tế. Các tác động này được phân thành 2 loại: Tác động tiêu cực và tác động tiêu tích cực.

4. Nhận diện các tác động đến môi trường

4.1. Nguồn gây ô nhiễm không khí

Trong giai đoạn san lấp mặt bằng và xây dựng sẽ có một lượng bụi đáng kể do phương tiện giao thông vận tải, đất cát san lấp... cũng như các hoạt động xây dựng, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công gây ra.

Các tác động do bụi đất, tiếng ồn, khí thải giao thông là vấn đề không tránh khỏi trong xây dựng. Ngoài ra, an toàn lao động trong quá trình thi công, nhất là thời điểm tiến độ thi công cao, tập trung nhiều người, nhiều phương tiện thi công cơ giới cũng cần thiết quan tâm đặc biệt.

4.2. Nguồn gây ô nhiễm mặt nước, nước ngầm, đất

Nguồn chính gây ô nhiễm mặt nước, nước ngầm, đất trong giai đoạn triển khai dự án là nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng. Bên cạnh đó là lượng nước mưa chảy tràn vào mùa mưa cuốn theo dầu mỡ thải, đất cát, nguyên vật liệu xây dựng xuống các kênh, ao hồ trong khu vực gây ô nhiễm nước mặt, nước ngầm nếu không có các biện pháp không chế hữu hiệu.

4.3. Chất thải rắn

Chất thải rắn trong giai đoạn này chủ yếu là các nguyên vật liệu xây dựng dư thừa, rơi vãi, dư thừa bao gồm các loại:

- Gạch ngói vỡ, cát sỏi, xi măng rơi vãi...
- Các vật liệu gỗ, sắt thép làm giàn giáo, cốt pha...
- Các loại bao bì đựng nguyên vật liệu giấy, plastic...
- Đất cát đào bới.
- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.
- Lượng chất thải rắn này có thể chia làm 3 loại:
 - + Có thể tái sử dụng cho sản xuất.
 - + Dùng để san lấp mặt bằng.
 - + Cần được xử lý phù hợp.

5. Các giải pháp hạn chế tác động môi trường

Mặc dù những tác động môi trường đã liệt kê sơ bộ ở mục trước chỉ ở mức độ trung bình, tuy vậy nếu không có những biện pháp cân nhắc và quản lý thích hợp trong các giai đoạn tổ chức, thiết kế và thi công thì cũng có khả năng gây ra những tác động nghiêm trọng đến con người và môi trường sống.

5.1. Giải pháp trong cơ cấu quy hoạch

- Việc phát triển đô thị sẽ tạo cơ sở hạ tầng hướng sinh hoạt đô thị vào các khu vực nói trên. Hình thành các dải xanh tạo môi trường sinh thái trong đô thị, đồng thời giá trị sinh thái càng rõ nét khi cơ cấu chung của toàn bộ đô thị được hình thành. Các khu vực đô thị sẽ được hưởng lợi bởi hướng gió từ các kênh rạch khu vực và các hồ điều hòa trong công viên kèm theo lượng ô xy với hàm lượng cao, ít tạp chất do có sự phối hợp của các dải xanh dọc theo kênh. Do vậy nếu chưa tính đến khả năng ô nhiễm môi trường của con người tạo ra thì xây dựng đô thị theo cơ cấu quy hoạch sẽ là một giải pháp chiến lược cho việc tạo môi trường sinh thái tốt cho thị trấn.

- Việc phát triển đô thị sẽ có thể từng bước chống ảnh hưởng bao phủ nhanh lên môi trường chung của thị trấn trong đó quan trọng nhất là việc thu hồi đất đai. Với hệ thống hạ tầng dịch vụ đồng bộ và thuận lợi, các hoạt động kinh tế - xã hội sẽ hướng vào nội khu. Khi đó nhóm chất thải của các hoạt động này sẽ phân loại và tập trung thuận lợi hơn. Có thể có những quy định về chế tài đặc thù về vệ sinh môi trường.

- Cơ cấu sử dụng đất là phù hợp. Trong đó tỷ lệ cây xanh công viên đảm bảo đáp ứng được quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. Quy hoạch giao thông phù hợp với các quy hoạch xây dựng chuyên ngành và vùng. Mạng lưới đường giao thông được quy hoạch theo đúng Quy chuẩn đường đô thị, hệ thống kênh mương được sử dụng thuận lợi cho thoát nước đô thị,... Việc đảm bảo các tiêu chuẩn sử dụng đất đai là một nhân tố quan trọng trong việc quản lý bảo vệ môi trường. Không tạo lý do “xác đáng” cho những vi phạm bảo vệ môi trường như: xâm phạm đất cây xanh, không có chỗ đổ rác, đổ xe,...

5.2. Bảo vệ môi trường nước

- Cấp nước:

Cải tạo nhà máy nước hiện trạng và xây dựng nhà máy nước mới với tổng công suất theo tính toán, dự kiến sẽ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho thị trấn và một số khu vực lân cận.

- Thoát nước:

Hệ thống thu gom nước thải và nước mưa được thiết kế riêng biệt, việc tách hai hệ thống thoát nước riêng biệt sẽ thuận lợi cho vấn đề xử lý nước thải và chống ngập úng cho đô thị.

- Với phương án thoát nước như đã trình bày ở phần quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo xả vào nguồn. Các vị trí xả đều đạt yêu cầu về khoảng cách đối với vị trí nguồn lấy nước cấp cho đô thị.

5.3. Môi trường không khí và tiếng ồn

Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn: tiến hành cải tạo và nâng cấp các tuyến đường nội bộ để giảm thiểu hiện tượng ô nhiễm bụi do giao thông sinh ra. Quy định chặt chẽ việc trồng các dải cây xanh cách ly giao thông. Tổ chức thu gom triệt để chất thải; tổ chức kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng và vận tải.

5.4. Đối với chất thải rắn

Chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nguồn thải. Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng sẽ được dùng lại. Chất phế thải xây dựng sẽ được kiểm soát một cách chặt chẽ tận dụng tối đa để san lấp, còn lại sẽ được thu gom tập trung về bãi thải của thị trấn. Các chất thải rắn thông thường và trôi nổi các sông, kênh, mặt nước khác sẽ có cơ quan chuyên trách thu dọn liên tục.

6. Các hoạt động bảo vệ môi trường cần chú trọng

- Tuyệt đối tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế, thi công về vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng đô thị, đặc biệt là xử lý nước thải và chất thải rắn.

- Hình thành một đơn vị quản lý chuyên trách có đủ thẩm quyền và chức năng đảm bảo ban hành các quy định về vệ sinh môi trường, xử lý các vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn thị trấn.

- Đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường phải được thành lập riêng cho từng khu vực, chuyên trách các công việc như: thu gom xử lý chất thải, chăm sóc cây xanh cải tạo cảnh quan môi trường,...

- Tổ chức các đợt quan trắc, thanh kiểm tra thường xuyên tương ứng với dây chuyền công nghệ xử lý môi trường của từng khu vực trong thị trấn. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm.

7. Kết luận về ĐTM

Đánh giá sơ bộ tác động môi trường đề án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 cho thấy những tác động có lợi của việc thực hiện quy hoạch là rất lớn, bên cạnh đó cũng có một số tác động bất lợi đến môi trường, song mức độ tác động không lớn và hoàn toàn có thể giảm thiểu được. Tuy chưa định lượng được các tác động, song báo cáo cũng đã nêu ra được phần lớn các tác động chủ yếu cùng các giải pháp giảm thiểu. Trong giai đoạn nghiên cứu tiếp theo, báo cáo ĐTM chi tiết sẽ phân tích và đánh giá cụ thể các yếu tố môi trường chịu tác động của dự án, qua đó đưa ra biện pháp, kế hoạch cụ thể nhằm giảm thiểu tác động bất lợi đối với môi trường do dự án gây ra.

XI. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020

1.1. Chương trình cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông thủy:

Tiến hành nạo vét, tăng cường năng lực vận tải các tuyến kênh hiện hữu trong địa bàn thị trấn: Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng, kênh Mười Hai, kênh Giồng Cát.

b) Giao thông bộ:

Ưu tiên đầu tư một số tuyến đường huyết mạch trọng điểm như:

- Nâng cấp cải tạo, hoàn thiện các tuyến đường hiện hữu trong khu vực như đường B5, đường Ngô Quyền, đường Thuận Hòa – Phú Tâm, đường A1, các tuyến đường hiện hữu trong các khu dân cư.

- Xây dựng mới các tuyến đường: Đường tỉnh 939B, đường A2, A3, A4, đường B3, B4, B6, B7 để từng bước hình thành khu vực trung tâm của đô thị.

c) Hệ thống thoát nước mưa

- Cải tạo mạng lưới thoát nước hiện hữu, tạo nên một hệ thống thoát nước kín để chủ động điều tiết trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là các kênh rạch.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa theo các tuyến đường giao thông ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 1.

d) Hệ thống thoát nước thải

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước thải theo các tuyến đường giao thông ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 1 để đầu nối về trạm xử lý nước thải.

e) Cấp điện, thông tin liên lạc

- Nâng cấp cải tạo, hoàn thiện hệ thống cấp điện, TLLL hiện hữu trong khu vực.

- Ngầm hóa hệ thống điện, TLLL theo các tuyến giao thông ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 1.

1.2. Chương trình nâng cấp, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu

Mục tiêu chính là kịp thời cải thiện, nâng cao điều kiện sống của người dân địa phương bằng các giải pháp khả thi có sự tham gia của cộng đồng dân cư cùng với chính quyền địa phương.

Nâng cấp và bổ sung các hạ tầng kỹ thuật cơ bản trong các khu dân cư hiện hữu như mạng lưới đường nội bộ, cấp thoát nước, cấp điện với tiêu chuẩn tối thiểu, phù hợp với điều kiện địa phương, hạn chế tối đa việc đền bù giải tỏa, tái định cư.

1.3. Xây dựng khu trung tâm mới và các khu dân cư mới

Lập kế hoạch và triển khai dự án đầu tư hạ tầng khu trung tâm mới của đô thị, xây dựng các công trình ưu tiên như hành chính, giáo dục, thương mại.

1.4. Chương trình bảo vệ môi trường đô thị

- Tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về việc giữ gìn vệ sinh môi trường, đặc biệt là môi trường nước.

- Tổ chức tốt việc thu gom và vận chuyển rác thải.

- Có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư từng bước có kế hoạch di dời vào khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phía ngoài đô thị.

1.5. Chương trình quản lý đô thị

- Lập xét duyệt, đảm bảo đầy đủ các bước từ quy hoạch chung đến chi tiết làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng đô thị.
- Tăng cường quản lý theo luật pháp, quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị.
- Xây dựng cơ chế chính sách thích hợp về huy động vốn, về cán bộ quản lý.
- Cải tiến thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng quản lý đô thị.

2. Các dự án tiếp tục đầu tư đến năm 2030

- Ưu tiên đầu tư các tuyến đường giao thông chính còn lại, sau đó đầu tư đồng bộ các tuyến đường trong nội ô trung tâm thị trấn, đảm bảo mỹ quan cho đô thị trong giai đoạn phát triển.
- Ưu tiên phát triển thị trấn đồng bộ về phía Tây Nam, sau đó phát triển cho toàn đô thị.

3. Nguồn lực đầu tư

- Coi trọng chính sách huy động mọi nguồn vốn từ nội lực của tỉnh, huyện, và nhân dân.
- Thu hút mọi nguồn vốn đầu tư ngoài tỉnh, vốn trung ương, vốn các ngành, vốn đầu tư nước ngoài.
- Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.
- Cơ cấu vốn đầu tư dự kiến như sau:
 - + Vốn đầu tư cho các tuyến đường trọng điểm: 100% từ nguồn ngân sách Nhà nước.
 - + Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước: 20% (đầu tư cơ sở hạ tầng và phúc lợi công cộng...).
 - + Vốn đầu tư từ công trình, dự án: 50% (đầu tư cơ sở dịch vụ, khu nhà ở...).
 - + Vốn huy động của dân: 30% (đầu tư nhà ở do dân tự xây, hạ tầng kỹ thuật khu ở, ...).

XII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc lập Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 là hết sức cần thiết trên cơ sở bám sát và xây dựng theo các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đánh giá lại toàn bộ việc thực hiện và quản lý các quy hoạch đã phê duyệt từ đó kế thừa những công tác đã thực hiện, đồng thời có các giải pháp điều chỉnh cho phù hợp với hiện trạng, các dự án đang triển khai. Qua đó, giúp cho chính quyền địa phương làm cơ sở quản lý, sắp xếp bố trí dân cư hợp lý và đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp theo định hướng phát triển thị trấn Châu Thành trong tương lai.

2. Kiến nghị

UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét sớm phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 để làm cơ sở quản lý, kêu gọi đầu tư. Từng bước xây dựng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt và đảm bảo mục tiêu phát triển đô thị theo đúng mục tiêu đề ra.

Sớm tiến hành nghiên cứu và đề ra các văn bản pháp quy về quản lý quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cơ bản về các công trình xây dựng, thông báo đến các ngành và nhân dân được biết và thực hiện, nhằm đảm bảo cho việc xây dựng đúng với quy hoạch đã triển khai.

Huyện Châu Thành cần có chủ trương quản lý toàn diện về quy hoạch, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, nhất là chỉ giới đường đỏ trong khu vực quy hoạch.

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được xem là văn bản pháp lý để định ra các quy chế cụ thể nhằm quản lý chặt chẽ công tác xây dựng đô thị từ nay về sau theo đúng quy định của Nhà nước.